PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2011/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

A. DANH MỤC THUỐC THÚ Y SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

(Tiếp theo Công báo số 269 + 270)

66. Công ty TNHH thuốc thú y Cần Thơ (VETERCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Ampi Cotrim Oral	Ampicycline, Sulfamethoxazole	Gói, lon, chai	5-10-20-30-50-100-500g	Phòng và trị bệnh tiêu chảy và bệnh đường ruột	CT(TH)-5
2	Coli Ampi	Ampicycline, Colistin	Gói, hộp, chai	5-10-20-30-50-100-500g	Phòng và trị bệnh tiêu chảy và thương hàn	CT(TH)-6

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3	Enroflox Vetero	Enrofloxacin	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Phòng và trị bệnh hô hấp	CT(TH)-7
4	Sulstrep	Streptomycin Sulfamethoxazole	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Phòng và trị bệnh đường ruột	CT(TH)-11
5	Terramycin 500	Oxytetracycline	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Phòng và trị tiêu chảy, thương hàn	CT(TH)-15
6	Erytracin-C	Erythomycin Oxytetracyclin	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Phòng và trị bệnh đường hô hấp và CRD	CT(TH)-16
7	Colistin-Terra	Colistin Oxytetracyclin	Gói, hộp, chai	5-8-10-20-30-50-100-250-500g	Phòng và trị bệnh tiêu chảy, phân trắng, thương hàn	CT(TH)-17
8	ADE BC Complex	Vitamin A, D_3, E, B_1, C	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Bồi dưỡng cho gia súc và gia cầm	CT(TH)-19
9	Tiomycin Complex-A	Tiamutillin Sulfamethoxazol	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Phòng và trị bệnh tiêu chảy và đường hô hấp	CT(TH)-20
10	Rigecoccin-Sul	Rigecoccin Sulfamethoxazole	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Phòng và trị bệnh cầu trùng	CT(TH)-21
11	Ampi Cotrim	Ampicilline Sulfamethoxazole	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Phòng và trị bệnh tiêu chảy, thương hàn	CT(TH)-22
12	Anti-Stress	Oxytetracycline Analgin,Vitamin C	Gói, hộp hộp	5-10-20-50-100-500g	Giảm đau, chống những thay đổi thời tiết	CT(TH)-24
13	Strepto terra	Streptomycin Oxytetracycline	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Phòng và trị bệnh đường ruột	CT(TH)-33

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
14	Neo-cotrime	Neomycin Sulfamethoxazole	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Phòng và trị bệnh tiêu chảy, kiết lỵ, thương hàn	CT(TH)-34
15	Ampi Coli	Colistin, Ampicycline	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Phòng và trị bệnh tiêu chảy, kiết lỵ, thương hàn	CT(TH)-35
16	Trị bệnh khẹc mũi vịt	Tylosin Erythromycin	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Trị bệnh khẹc mũi vịt con	CT(TH)-37
17	Strepto terramycin	Streptomycin Oxytetracyclin	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Phòng và trị bệnh viêm nhiễm đường ruột và tiêu chảy	CT(TH)-39
18	Coli-SP	Colistin, Spiramycin	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Phòng và trị bệnh CRD và thương hàn	CT(TH)-46
19	T.T.S	Tylosin, Sulfamethoxazole	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Phòng và trị bệnh tiêu chảy và các bệnh đường hô hấp	CT(TH)-47
20	Tylan Septotryl	Tylosin, Sulfamethoxazole	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Phòng và trị bệnh tiêu chảy và các bệnh đường hô hấp	CT(TH)-48
21	Cảm cúm	Oxytetracycline Paracetamol	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Phòng và trị bệnh cảm cúm và các bệnh do thay đổi thời tiết	CT(TH)-49
22	Norflox Oral10%	Norfoxacin	Gói, hộp	5-10-20-50-100-500g	Phòng và trị bệnh đường hô hấp	CT(TH)-58
23	Animilk	Lactose, Protein Vitamin A, D_3, E	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Bồi dưỡng cho gia súc và gia cầm	CT(TH)-61

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
24	Cảm cúm	Paracetamol Oxytetracyclin	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Giảm đau, hạ nhiệt	CT(TH)-67
25	Vịt khẹc	Tylosin	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Trị bệnh khẹc mũi ở vịt	CT(TH)-69
26	Tiomycin Complex-B	Tiamutilin, Sulfamethoxazole	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Phòng và trị bệnh đường hô hấp và đường ruột	CT(TH)-70
27	Tiomycin Complex-C	Tiamutilin, Sulfamethoxazole	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Phòng và trị bệnh đường hô hấp và đường ruột	CT(TH)-71
28	Coli SP	Colistin, Spiramycin	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Phòng và trị bệnh CRD và thương hàn	CT(TH)-72
29	Terramycin 500	Oxytetracyclin	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Phòng và trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin	CT(TH)-73
30	Tetramisol	Levamisol	Gói, hộp, chai	2-5-7-10-20-30-50-100-500g	Sổ lải cho gia súc và gia cầm	CT(TH)-84
31	Vitamin C 10%	Vitamin C	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Tăng lực, bổ sung vitamin C cho gia súc và gia cầm	CT(TH)-86
32	Analgin-Veterco	Analgin	Gói, hộp, chai	5-7-10-20-30-50-100-250-500g	Giảm đau, hạ nhiệt	CT(TH)-88
33	Terra egg	Oxytetracyclin Vitamin A, D_3, E	Gói, hộp, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000g	Bổ sung vitamin cho gia cầm đẻ trứng	CT(TH)-100
34	Bromhexine Veterco	Bromhexine	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000g	Điều trị viêm đường hô hấp	CT(TH)-104

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
35	Cephalexin Veterco	Cephalexin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000g	Điều trị viêm đường hô hấp, sinh dục, đường niệu	CT(TH)-105
36	Doxycycline Veterco	Doxycycline	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000g	Điều trị viêm xoang, sưng mắt, sinh dục, đường niệu	CT(TH)-107
37	Thiamphenicol Veterco	Thiamphenicol	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000g	Trị THT, thương hàn, tiêu chảy viêm ruột, tiêu chảy do E.coli	CT(TH)-109
38	Spectimomycin Veterco	Spectimomycin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000g	Trị viêm đường hô hấp, CRD gia cầm, viêm xoang mũi, viêm phổi	CT(TH)-110
39	Trị cầu trùng	Sulphachlorpyridazine, Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000g	Điều trị bệnh cầu trùng	CT(TH)-111
40	Thuốc tăng trọng - giải độc	Sorbitol, Methyomin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000g	Giải độc gan, giúp tăng cường tiêu hóa, phòng đầy hơi, đầy bụng	CT(TH)-115
41	Coli - Amox	Colistin sulphate, Amoxicillin trihydrat	Gói, hộp	5; 10; 20; 50g; 100; 500; 1000g	Phòng và trị bệnh tiêu chảy, thương hàn	CT(TH)-116
42	Coli - TMP	Trimethoprim, Colistin sulphate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50g; 100; 500; 1000g	Trị viêm nhiễm gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với Trimetho-prim và Colistin	CT(TH)-117

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
43	Stop - CRD	Spiramycin, Oxytetracyclin HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 50g; 100; 500; 1000g	Phòng, trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp cho gia súc, gia cầm	CT(TH)-118
44	Tylo - Coli	Colistin sulphate, Tylosin,Vita A, C	Gói, hộp	5; 10; 20; 50g; 100; 500; 1000g	Trị các bệnh viêm nhiễm do E.coli, hô hấp mãn tính (CRD), bệnh do Mycoplasma	CT(TH)-119
45	Strepto - Linco	Streptomycin sulphat, Lincomycin HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50g; 100; 500; 1000g	Phòng và trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn Gr (+), Gr(-)	CT(TH)-123
46	New-Colivit	Tiamulin fumarate Vitamin A, D_3, E	Hộp/túi	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500; 1000g	Phòng và trị các bệnh đường hô hấp	CT(TH)-125
47	CRD-Veterco	Spiramycine Trimethoprime	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 500; 1000g	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn cho gia súc nhỏ và gia cầm	CT(TH)-127
48	Flumequil	Flumequine	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 500; 1000g	Phòng, trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn Gr(-)	CT(TH)-128
49	Kháng sinh vịt	Oxytetracycline HCl Erythromycine	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 500; 1000g	Trị bệnh viêm phổi, phế quản, tiêu chảy, bại liệt ở vịt	CT(TH)-130
50	Toi thương hàn	Thiamphenicol Oxytetracycline HCl	Hộp/túi	5; 10; 20; 50; 100; 500; 1000g	Trị bệnh thương hàn gia súc, gia cầm	CT(TH)-131
51	Streptomycin sulfat	Streptomycin	Lọ, chai	1g	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Streptomycin	CT(TH)-74

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
52	Penicillin Potassium G	Penicillin	Lọ, chai	1000000-4000000UI	Phòng và chống viêm nhiễm vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin	CT(TH)-75
53	Ampicillin Sodium	Ampicillin	Lọ, chai	0,5-1,5g	Phòng và trị bệnh đường ruột	CT(TH)-76

67. Công ty thuốc thú y Hậu Giang (ANIVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Bromhexine	Bromhexine	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g	Điều trị viêm đường hô hấp	CT(HG)-1
2	Terramycin	Oxytetracycline	Gói, hộp, lon	5, 10, 20, 50, 100g	Trị viêm đường ruột, hô hấp mãn tính và nhiễm trùng khác	CT(HG)-4
3	Terramycin 500	Oxytetracycline	Gói, hộp, lon	5, 10, 20, 50, 100, 500, 1000g	Trị viêm đường ruột, hô hấp mãn tính và nhiễm trùng khác	CT(HG)-5
4	ADEBC Complex	Vitamin: A, D_3, B_1, C, E, Oxytetracycline HCl, Methionin	Gói hộp; lon	5, 10, 20, 50, 100, 500, 1000g	Bổ sung vitamin, tăng sức đề kháng	CT(HG)-13
5	Ampicolistin	Ampicycline trihydrat Colistin	Gói hộp, lon	5, 10, 20, 50, 100, 500, 1000g	Trị viêm đường hô hấp, thương hàn, cầu trùng	CT(HG)-14
6	Calcium Alvityl	Vitamin A, D, E Tricalcium-phosphate	Gói Hộp, lon	5, 10, 20, 50, 100, 500, 1000g	Trị chậm lớn, còi xương bại liệt	CT(HG)-16

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
7	Cephalexin	Cephalexin	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g	Điều trị viêm đường hô hấp, sinh dục, đường niệu	CT(HG)-17
8	Cảm cúm	Analgin, Oxytetracycline, Sulfamethoxazol, VitB_1, C	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 500, 1000g	Trị cảm ho sổ mũi	CT(HG)-18
9	Cảm ho, ban nóng	Analgin, Oxytetracycline, Tylosine	Gói Hộp, lon	5, 10, 20, 50, 100, 500, 1000g	Trị cảm ho sổ mũi	CT(HG)-19
10	Doxycycline	Doxycycline	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g	Điều trị viêm xoang sưng mắt, sinh dục, đường niệu	CT(HG)-22
11	Erytracin-C	Erythromycine, Tetracycline, Vitamin C	Gói Hộp, lon	5, 10, 20, 50, 100, 500, 1000g	Trị viêm đường ruột	CT(HG)-27
12	Enrofloxacine	Enrofloxacine	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g	Điều trị viêm hô hấp, thương hàn, tiêu chảy	CT(HG)-31
13	Flumequine	Flumequine	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g	Điều trị bệnh THT, thương hàn, tiêu chảy	CT(HG)-34
14	Streptoterra	Oxytetracycline, Streptomycine, Vit A, D_3	Gói Hộp, lon	5, 10, 20, 50, 100, 500, 1000g	Trị nhiễm trùng đường hô hấp	CT(HG)-35
15	Strepto-terramycine	Oxytetracycline, Streptomycine,	Gói Hộp, lon	5, 10, 20, 50, 100, 500, 1000g	Trị nhiễm trùng đường hô hấp	CT(HG)-36

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
16	Norfloxacin	Norfloxacin	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g	Điều trị nhiễm trùng đường ruột, đường hô hấp, tiết niệu	CT(HG)-37
17	Terra-EGG	Oxytetracycline, Vit: A, B_1, C, D_3, E, Methionin	Gói Hộp, lon	5, 10, 20, 50, 100, 500, 1000g	Tăng trọng, tăng sức đề kháng	CT(HG)-38
18	Vịt khẹc	Tylosine, Erythromycine	Gói, hộp Lon	5, 10, 20, 50, 100, 500, 1000g	Trị bệnh đường ruột, hô hấp, CRD	CT(HG)-41
19	Biotin-E Calci Fort	Vitamin E, Biotin, Calcium phosphat	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g	Phòng ngừa nứt, loét móng chân; tăng cường miễn dịch ở gia súc, gia cầm	CT(HG)-59
20	Giải độc gan - lợi mật	Methionine, sorbitol, Vit C, B_1, B_2, B_6, Lysin	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g	Tăng khả năng tiết mật, giải độc gan	CT(HG)-60
21	Tiêu chảy	Neomycine, Colistin	Gói, lon, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 500, 1000g	Trị tiêu chảy	CT(HG)-61
22	Tialindo	Tiamulin, Doxycycline	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g	Điều trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa	CT(HG)-72
23	C-S 500	Chlortetracycline, Sulfamethoxy-pyridazine	Gói, hộp, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 25kg	Trị bệnh gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm Chlortetracycline, S.thoxypyridazine trên trâu, bò, heo, cừu	CT(HG)-23

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
24	C-P Vit	Colistin, Paracetamol, Vitamin A, B_1, C, D_3, E	Gói, hộp, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 25kg	Phòng và trị các bệnh đường tiêu hóa, chống stress, trên gà, vịt	CT(HG)-24
25	Erycoli	Erythromycin, Colistin	Gói, hộp, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 25kg	Trị viêm dạ dày ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Erythromycin, Colistin trên bê, nghé, ngựa con, cừu con, dê con và heo con	CT(HG)-26
26	Trimezol	Sulfadimethoxine sodium, Trimethoprim	Gói, hộp, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 25kg	Trị bệnh gây ra bởi VK nhạy cảm với Sulfadimethoxine, Trimethoprim trên bê, nghé, cừu con, dê con, heo, gia cầm, thỏ	CT(HG)-28
27	Speclin	Lincomycine, Spectinomycine, Natri benzoate	Gói, hộp, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 25kg	Trị viêm ruột, viêm ruột non xuất huyết, viêm khớp, nhiễm trùng trên heo, gia cầm	CT(HG)-30
28	Tiamulin	Tiamulin	Gói, hộp, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 25kg	Trị các bệnh đường hô hấp trên heo, gia cầm	CT(HG)-44
29	Anticoc	Colistin, Sulfadimidine	Gói, hộp, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 25kg	Trị viêm dạ dày - ruột gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, S. dimidine trên bê, nghé, cừu non	CT(HG)-63

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
30	Xổ giun - Misol	Levamisol	Gói, hộp, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 25kg	Tẩy giun trên gia súc, gia cầm	CT(HG)-69
31	Penicillin G	Penicillin	Lọ	Lọ 1.000.000 UI	Trị nhiễm trùng ở thú nuôi	CT(HG)-58

68. Công ty TNHH sản xuất thương mại thuốc thú Y 1/5

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng / Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Terramycin-500	Oxytetracycline	Gói, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Phòng ngừa và trị các bệnh hô hấp, viêm ruột, tiêu chảy	CT(X1/5-1)
2	Cảm Ho	Paracetamol Vitamin C	Gói, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Trị các bệnh cảm cúm, ho, sổ mũi	CT(X1/5-2)
3	Tia-150	Tiamutin Vitamin C	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Phòng trị các bệnh tiêu chảy, phân trắng, thương hàn	CT(X1/5-3)
4	Ticosone	Tiamutin Colistin	Gói Hộp	55, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Điều trị các bệnh viêm phổi, suyễn, cảm cúm, tụ huyết trùng	CT(X1/5-4)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng / Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
5	Tetra-Colivet	Oxytetracycline, Colistin, Vit A, D, E, B_1, B_6	Gói Hộp	55, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Trị viêm ruột, tiêu chảy, dịch tả, nhiễm trùng E.coli	CT(X1/5-5)
6	Genta-Tylo	Gentamycine Tylosin	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Điều trị các bệnh viêm ruột, viêm phổi, viêm tử cung	CT(X1/5-8)
7	Ery-Colivet	Erythomycine Colistin, Vitamin C	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Trị bệnh khẹc, nhiễm trùng đường hô hấp	CT(X1/5-9)
8	Trị toi thương hàn	Oxytetracycline, Colistin, Vit B_1, B_2, B_5, B_6, PP	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Trị các bệnh toi, thương hàn, và đường ruột	CT(X1/5-10)
9	GentAmpi	Gentamycine Ampicilline	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Trị các bệnh viêm nhiễm đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục	CT(X1/5-11)
10	Neox	Neomycine, Vit A, D, E, Oxytetracycline	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Phòng và trị các bệnh do vi trung Gram (+) gây ra	CT(X1/5-14)
11	Tera Trứng	Vit A, D, E, B_1, B_2, B_5, B_6, PP	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Bổ sung Vitamin, tăng sức đề kháng, tăng sản lượng trứng	CT(X1/5-16)
12	Vit ADE-C	Vit A, D, E, C	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Bổ sung Vitamin, tăng sức đề kháng	CT(X1/5-18)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng / Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
13	Vitamin C 10%	Vitamin C	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Tăng sức đề kháng, điều trị bệnh sốt cao, chảy máu cam	CT(X1/5-19)
14	Vitamix-Soluble	Vitamin A, D, E, B_1, B_2, B_6	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Bổ sung nguồn Vitamin, kích thích tính thèm ăn	CT(X1/5-20)
15	Khoáng Vàng	Ca, Cu, Fe, Mn, Z, Vitamin A, D, E	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Bổ sung Vitamin, khoáng	CT(X1/5-21)
16	ADE B.Complex	Vitamin A, D, E Vitamin C, PP,	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Bổ sung Vitamin	CT(X1/5-22)
17	Norflovet	Norfloxacin Vitamin A, D, E	Gói Hộp	5, 10, 20,50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Trị các bệnh đường hô hấp, sổ mũi, sưng đầu	CT(X1/5-28)
18	ADE Soluble	Vitamin A, D, E	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Bổ sung nguồn Vitamin cho gia súc, gia cầm	CT(X1/5-30)
19	Calci-Polyvit	Calcium Vitamin A, D, E	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Bổ sung Vitamin, Calcium, khoáng	CT(X1/5-31)
20	Trị Vịt Khẹc	Tylosin, Gentamycine	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Trị khẹc vịt, hen gà	CT(X1/5-37)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng / Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
21	Ampi-Dexalone	Ampicilline, Colistin Dexamethasone	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Trị các bệnh đường ruột, phân trắng. Các bệnh viêm đường hô hấp, viêm phổi	CT(X1/5-41)
22	Premix Tôm Cá	Oxytetracyline, Vit A, D, E, B_2, B_6, Cu, Fe, Zn, Ca	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Bổ sung các Vitamin và khoáng vi lượng thiết yếu	CT(X1/5-44)
23	Strepto-Tera ADE	Streptomycine, Vit A, D, E, Oxytetracycline	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Trị các bệnh đường hô hấp, viêm phổi, tụ huyết trùng	CT(X1/5-45)
24	C-Methionin	Vitamin C Methionin	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Bổ sung Vitamin, tăng sức đề kháng, giải độc gan	CT(X1/5-46)
25	Vita-Calci-C	Vit C, B_6, D, Calcium	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Bổ sung Vitamin, Calcium	CT(X1/5-48)
26	Úm gà vịt	Oxytetracyclin, Colistin, Vitamin C, Methionin	Gói Hộp	5-10-20-50-100-200-500g 50-100-200-1kg	Chuyên dùng để úm gà, vịt, ngan cút	CT(X1/5-49)
27	Flumequin	Flumequine	Gói Hộp	5-10-20-50-100-200-500g,50-100-200-1kg	Điều trị các bệnh PTH, THT, viêm phổi, viêm ruột	CT(X1/5-56)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng / Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
28	Tia-Coli	Tiamutin Colistin	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Trị các bệnh THT, PTH, tiêu chảy, phân trắng, hồng lỵ	CT(X1/5-77)
29	B.Complex	Vit B_1, B_2, B_6, PP	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Phòng trị các bệnh do thiếu Vit nhóm B. Kích thích tính thèm ăn, tăng trọng nhanh	CT(X1/5-78)
30	Coli-Tialin Complex	Colistin, Tiamutin Vitamin A, D, E	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Trị bệnh viêm phổi, viêm ruột, phân trắng, tăng sức đề kháng	CT(X1/5-79)
31	Strepto-Sul	Streptomycine Sulfamethoxazone	Gói Hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200g, 500, 100, 200g, 1kg	Trị các bệnh đường ruột, tiêu chảy	CT(X1/5-86)
32	Tẩy giun sán	Levamysone	Gói Hộp	2-5-10-20-50-100-200-500g 50-100-200-500-1kg	Dùng tẩy sổ các loại giun, sán đường phổi và đường ruột	CT(X1/5-88)
33	Mecoli; (đặc trị tiêu chảy)	Colistin sulfate, Trimethoprim	Túi	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g	Điều trị các bệnh viêm nhiễm đường tiêu hóa	CT(X1/5)-90
34	Kháng sinh tổng hợp	Oxytetracycline HCl, Neomycin sulfat	Túi	2; 5; 10; 20; 50; 100g; 250; 500g.	Điều trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, viêm vú, viêm mắt, viêm khớp, viêm tử cung, hội chứng MMA ở heo sinh sản	CT(X1/5)-91

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng / Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
35	Neo-colivet	Neomycin sulfat, Colistin sulfat	Gói	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g.	Điều trị bệnh PTH, THT, tiêu chảy do E.coli, Samonella	CT(X1/5)-92
36	Neotesul	Oxytetracycline HCl, Neomycin sulfate	Túi	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g.	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, sảy thai truyền nhiễm, viêm vú, nhiễm trùng sinh dục	CT(X1/5)-93
37	Tydoxin	Doxycyclin HCl, Tylosin tartrate	Túi	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g.	Trị viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, viêm móng, viêm teo xoang mũi, suyễn lợn	CT(X1/5)-94
38	Medoxy	Doxyxyclin HCl, Trimethoprim	Gói	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g.	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, tiêu chảy, sảy thai truyền nhiễm, hội chứng MMA	CT(X1/5)-95
39	Coli-ampi	Ampicillin trihydrat, Colistin sulfate	Gói	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g.	Phòng và trị phân trắng lợn con, phó thương hàn, bệnh dấu son, viêm - đau đa khớp	CT(X1/5)-97
40	Coli- SP	Spiramycin, Vit A Colistin sulphate	Túi	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g	Điều trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, gia cầm	CT(X1/5-99)
41	Gentadox (Kháng sinh vịt)	Doxycyclin HCl, Gentamycin sulfate, Vitamin A, D	Túi	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g	Trị tiêu chảy trên bê, nghé. Bệnh sưng hàm, viêm đường sinh dục, sảy thai trên trâu, bò. Bệnh PTH, THT, MMA trên heo	CT(X1/5-100)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng / Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
42	Novoxin	Spiramycin, Oxytetracyclin	Túi	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g	Trị viêm đường tiết niệu, sinh dục, sảy thai truyền nhiễm trên trâu, bò. Viêm ruột, tiêu chảy trên heo, dê, cừu, THT, nhiễm khuẩn hô hấp trên gà, vịt	CT(X1/5-102)
43	Tycoli	Colistin sulfate, Tylosin	Gói	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g	Trị CRD, tiêu chảy trên gia cầm. Viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy ở heo con, Viêm đường hô hấp, viêm móng trên trâu, bò	CT(X1/5-103)
44	Diacoc	Diaveridine, Sulfadimerazin	Gói	5; 20; 50; 100; 200; 500g	Trị bệnh cầu trùng, viêm ruột trên bê, nghé, heo con, thỏ, gia cầm	CT(X1/5-29)
45	Analgin-C	Analgin, Vitamin C	Gói	5; 10; 50; 100; 250; 500g	Trị cảm, sốt, đau khớp, phòng chống Stress trên trâu, bò, heo, gà, vịt	CT(X1/5-13)
46	Đặc trị hô hấp	Tylosin tartrate, Sulfadimerazin	Gói	5; 20; 50; 100; 200; 500g	Trị nhiễm trùng ruột và hô hấp trên heo, gia cầm	CT(X1/5-17)
47	Ivemectin	Ivermectin	Gói	5; 10; 50; 100; 250; 500g	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gà, vịt	CT(X1/5-25)
48	Fubenzol	Fenbendazole	Gói	5; 10; 50; 100; 250; 500g	Trị nội ký sinh trùng trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gà, vịt	CT(X1/5-81)
49	Lincopec	Lincomycin, Spectinomycin	Gói	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị viêm hô hấp, tiêu hóa, niệu sinh dục trên trâu, bò, heo, gà, vịt	CT(X1/5-85)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng / Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
50	Ampicotrim	Ampicillin, Vit C Sulfamethoxazol,	Gói	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị THT, thương hàn, viêm phổi trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gà, vịt, cút	CT(X1/5-50)
51	Cepha-Coli	Cefalexin, Colistin sulfate, Vit B_6, C, B_1	Gói	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm khuẩn ngoài da trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gà, vịt, cút	CT(X1/5-62)
52	E.T.S	Erythromycin, Sulfamethoxazol, Vit B_1, C	Gói	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị viêm đường hô hấp mãn tính, viêm phổi, viêm dạ dày ruột, tiêu chảy trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gà, vịt, cút	CT(X1/5-80)
53	Lincotryl	Licomycine, Vit B_1, C, S.amethoxazol,	Gói	2; 5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị viêm dạ dày ruột, tiêu chảy, hô hấp mãn tính trên trâu, bò, heo, gà, vịt	CT(X1/5-84)
54	Pi-Kana	Penicillin, Kanamycine	Lọ	1g	Trị bệnh gia súc, gia cầm	CT(X1/5-52)
55	Coli-Ampi	Colistin, Ampicilline	Lọ	1g	Trị bệnh gia súc, gia cầm	CT(X1/5-53)
56	Benzyl-Penicillin	Penicilline	Lọ	1.000.000UI; 4.000.000UI	Trị bệnh gia súc, gia cầm	CT(X1/5-54)
57	Streptomycin	Streptomycine	Lọ	1g	Trị bệnh gia súc, gia cầm	CT(X1/5-55)
58	Pi-Strep	Penicilline Streptomycine	Lọ Chai	1g 10-50g	Trị bệnh gia súc, gia cầm	CT(X1/5-82)

69. Công ty TNHH thuốc thú Y 2-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Streto-terramycin	Streptomycine Vit.A, D, E Oxytetracyclin,	Gói	100g	Phòng trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, thương hàn, tiêu chảy cấp tính	CT(X2-9)-2
2	ADEBC Complex	Vitamin, Oxytetrcycline	Gói	100g, 1; 5; 10kg	Tăng cường khả năng chuyển hóa thức ăn, tăng sức đề kháng, tăng khả năng sản suất	CT(X2-9)-25
3	Vịt khẹt	Tylosin	Gói Hộp	5; 50; 100g 100g	Trị bệnh viêm phổi, viêm phế quản, sỗ mũi, CRD, toi ở gia súc gia cầm	CT(X2-9)-34
4	Neo-sol-C	Oxytetracyclin, Neomycin, Vitamin C	Gói	5; 10; 30; 50; 100g	Trị Salmonellosis, Pasteurellosis, CRD, Viêm phổi, dạ dày và ruột, tiêu chảy	CT(X2-9)-42
5	Visol-Mix	Vitamin, Oxytetracyclin, Khoáng	Gói	5; 50; 100g, 1kg	Phòng còi xương, bại liệt do thiếu Calci và Vitamin, tăng sức đề kháng, chống stress	CT(X2-9)-43
6	Terramycine	Sulfamid, Oxytetracycline	Gói	7g	Trị bệnh toi, thương hàn, tiêu chảy và cầu trùng	CT(X2-9)-44
7	Tiamulin-OV	Tiamutilin, Oxytetracyclin, Vitamin	Gói	5; 10; 20; 30; 50; 100g	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột ở gia súc gia cầm	CT(X2-9)-45

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
8	Erytracin -B_{12}	Erythromycin, Oxytetracyclin - Vitamin	Gói	5g	Trị bệnh do vi khuẩn Gram(+), Gram(-), Mycoplasma gây ra	CT(X2-9)-46
9	Tiêu chảy & E.coli	Colistin, Sulfamid-Vitamin	Gói, Hộp	5; 10; 20; 30; 50, 100g	Trị tiêu chảy, viêm ruột, nhiễm trùng huyết do trực khuẩn E.Coli, viêm đa khớp do nhiễm trùng	CT(X2-9)-48
10	Ban nóng	Oxytetracycline Vitamin, Analgin	Gói, hộp	3; 5; 20; 50; 100g 100g	Giảm sốt. Trị cảm, ho, sổ mũi, tiêu chảy ở gia súc, gia cầm	CT(X2-9)-62
11	Terra Trứng	Vitamin Oxytetracyclin	Gói Hộp	5; 20; 100g 100g	Cung cấp vitamin. Nâng cao sức đề kháng, tăng trọng, sản lượng trứng và chất lượng vỏ	CT(X2-9)-63
12	ADE 100	VitaminA, D, E	Gói	100g	Ngăn ngừa sự vô sinh, gia tăng mức sinh sản của gia súc trưởng thành	CT(X2-9)-65
13	Úm gà, vịt	Tylosin-Oxytetracycline Vitamin	Gói	5g, 10g, 50g, 100g	Trị bệnh đường hô hấp: viêm xoang, viêm phổi; đường ruột; viêm rốn, úm gà vịt con	CT(X2-9)-68
14	Terramycin 500	Oxytetracycline-Vitamin	Gói	5; 7g	Trị bệnh đường hô hấp, CRD, toi, phó thương hàn, tiêu chảy, …	CT(X2-9)-71
15	Calci-Vitamino	Dicalciphosphat-Vit.A, D, E; A.amin	Gói	200g	Trị còi xương, bại liệt, chậm lớn, rối loạn tiêu hóa do thiếu vitamin và Calci, Phospho. Giúp vật tăng trọng nhanh, da hồng, lông mượt	CT(X2-9)-75

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
16	Coli-Tetravet	Oxytetracycline, Colistin, Vitamin	Gói	5g, 100g	Gia cầm: CRD, viêm ruột, nhiễm trùng Ecoli, Blue Comb, viêm xoang mũi… Gia súc: Ỉa chảy sơ sinh, phù do nhiễm trùng, viêm ruột…	CT(X2-9)-76
17	AD-Electrolytes	Vitamin, Chất điện giãi	Gói	5g, 30g, 50g; 100; 500g; 1kg	Tăng sức kháng bệnh, tăng trọng nhanh, tỷ lệ đẻ trứng cao, chống stress	CT(X2-9)-97
18	Ampi-Coli	Ampicilin, Colistin, Vitamin	Gói	5g-50g	Trị bệnh viêm thanh khí quản, viêm phổi. Bệnh tiêu chảy, phân trắng do E.Coli. Ngừa bệnh vi trùng kế phát do tiêm phòng vaccin	CT(X2-9)-101
19	Strepto-Terra	Streptomycin, Oxytetracyclin, Vitamin	Gói Hộp	5g, 100g	Ngừa và trị CRD, viêm ruột, tiêu chảy, lỵ và các bệnh nhiễm trùng khác	CT(X2-9)-105
20	Genta-Tylovex	Gentamycine, Tylosin, Vitamin	Gói	5; 10g, 30g, 50; 100; 1; 10kg	Trị viêm phổi, viêm xoang, hô hấp mãn tính, thương hàn, toi, viêm ruột, lỵ	CT(X2-9)-106
21	Vitamin C	Vitamin C	Gói	10g-100g	Tăng cường sức đề kháng của cơ thể vật nuôi	CT(X2-9)-107
22	Sữa non	Protein, Vitamin, khoáng	Gói	100g	Tránh tình trạng sút cân khi cho con bú, cho sữa nhiều. Heo con lông mượt, mau lớn	CT(X2-9)-108

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
23	Pro-mix	Vitamin, khoáng,	Gói	100g, 1kg	Trị suy dinh dưỡng, còi xương, bại liệt	CT(X2-9)-109
24	Vitamin C 10%	Vitamin C	Gói; hộp	10; 100; 500g; 1kg	Tăng cường sức đề kháng của cơ thể vật nuôi	CT(X2-9)-114
25	Cefa-Bio	Cefalexin	Gói	10g-20g, 30g, 50g, 100g	Trị viêm phổi, viêm xoang, hô hấp mãn tính, thương hàn, toi, viêm ruột, ly	CT(X2-9)-115
26	Flumequin	Flumequine	Gói	10g-20g, 30g, 50g, 100g	Trị THT, PTH, E.Coli, sổ mũi truyền nhiễm, bệnh hô hấp mãn tính, tiêu chảy ở thú sơ sinh, nhiễm trùng đường tiết niệu do Gram (-)	CT(X2-9)-116
27	A-lox	Norfloxacin	Gói	10g, 20g, 30g, 50g, 100g	Viêm xoang, CRD và các biến chứng, viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy có ghép bệnh tụ huyết trùng, phó thương hàn ở gia súc, gia cầm	CT(X2-9)-123
28	Ro-vacin	Spiramycine, Colistin, Vitamin	Gói	5g; 10g; 20g, 30g, 50g, 100g; 1; 10kg	Trị viêm xoang, CRD, khẹt ở vịt; bệnh đóng dấu, viêm khớp, thương hàn, bạch lỵ, tiêu chảy do E.Coli ở gia súc, gia cầm	CT(X2-9)-124
29	Enro-B	Enrofloxacin, Vitamin	Gói	10g 20g, 30g, 50g, 100g	Trị bệnh đường hô hấp: viêm phổi, viêm xoang, CRD kết hợp E.Coli ở thú sơ sinh. Đường ruột: tiêu chảy, phân trắng. Bệnh toi, viêm vú	CT(X2-9)-125

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
30	Nước biển khô	Chất điện giải-Glucose	Gói	10g, 20g, 30g, 50g, 100g	Trị mất nước, cân bằng chất điện giải trong các bệnh tiêu chảy, sốt. Ngừa stress do tiêm phòng, cảm nắng	CT(X2-9)-126
31	Biotin-Ka	Biotin, Zn, Vitamin	Gói Xô	10g 20g, 30g, 50g, 100g, 1kg, 5kg	Trị thối móng, nứt móng, đau chân, viêm kẽ chân, bệnh viêm da hóa sừng	CT(X2-9)-127
32	Anti-Stres	A.Amin, Vitamin Khoáng vi lượng	Gói	5; 10, 20, 30, 50, 100g; 1; 10kg	Tăng sức đề kháng, thèm ăn, ngừa stress trong tiêm phòng, thay đổi chuồng trại, thời tiết	CT(X2-9)-129
33	Ben-Tropin	Urotropin, NatriBenzoat, Vitamin	Gói	10g 20g, 30g, 50g, 100g	Sát trùng đường tiết niệu, sinh dục ở gia cầm, thông mật, thận, lợi tiểu, giải độc	CT(X2-9)-130
34	Calci-C	Calci gluconate, Vit.C	Gói	10g 20g, 30g, 50g, 100g	Chống co giật ở thú non, ngừa còi xương, tăng chất lượng vỏ trứng	CT(X2-9)-131
35	To-Tox	Selenium, Vit.E	Gói	10g-20g, 30g, 50g, 100g	Tăng khả năng động dục, tỷ lệ đậu thai cao, ngừa chứng niểng đầu, teo cơ	CT(X2-9)-143
36	Oxy Egg	Oxytetracyclin, Vit.A, D, E, B_1, B_2, B_5, PP	Gói	100g; 500g; 1; 5; 10kg	Tăng khả năng chuyển hóa thức ăn, tăng sức đề kháng, tăng khả năng sản suất: thịt, trứng, sữa	CT(X2-9)-146
37	Levamysol	Levamysol	Gói	5g-20g	Trị giun cho gia súc, gia cầm	CT(X2-9)-147

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
38	Toi - thương hàn	Oxytetracycline HCl, Neomycin sulfate, Vit A, D_3, E, B_2, B_{12}, PP	Túi, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị các bệnh đường hô hấp, thương hàn, viêm khớp, viêm ruột trên gia cầm, bệnh viêm ruột, hồng lỵ, đóng dấu son, xoắn khuẩn trên heo	CT(X2-9)-148
39	Tylan- Doxy	Tylosin tartrate, Doxycycline hyclate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Điều trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm, heo, dê non, bê, nghé	CT(X2-9)-149
40	Kháng sinh tổng hợp	Oxytetracycline HCl, Neomycin sulfate.	Túi, hộp	5; 20; 50; 100; 500g, 1kg.	Trị bệnh đường hô hấp, thương hàn, viêm khớp, viêm ruột trên gia cầm. Bệnh viêm ruột, hồng lỵ, đóng dấu son, xoắn khuẩn trên heo	CT(X2-9)-150
41	TTS	Neomycin sulfate, Colistin sulfate	Túi, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 10kg	Trị viêm ruột, tiêu chảy trên bê, cừu non, dê con, heo con, gia cầm, thỏ	CT(X2-9)-22
42	Tri- Coli	Trimethoprim, Colistin sulfate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 10kg	Trị viêm nhiễm do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim, Colistin gây ra trên bê, heo, cừu non, dê con, thỏ, gia cầm	CT(X2-9)-47
43	Shock- Egg	Oxytetracyclin HCl, Vitamin A, D_3, E, B_{12}, K_3, B_2, PP, B_5	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 10kg	Phòng bệnh thiếu Vitamin, chống stress trên gà	CT(X2-9)-72

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
44	Doxy-Cox	Doxycycline hyclate Colistin sulfate	Gói, lon, xô, bao	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 10kg	Trị bệnh do VK Pasteurella spp, Salmonella spp, E.coli trên trâu, bò, heo, gia cầm	CT(X2-9)-157
45	Coli-Doxysol	Doxycycline hyclate Colistin sulfate	Gói, lon, xô, bao	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 10kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm	CT(X2-9)-159
46	Aspi-C	Acetylsalicylic acid, Vitamin C	Gói, lon, xô, bao	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 10kg	Giảm đau, hạ sốt trên ngựa, bê, nghé, dê non, cừu non, gia cầm, lợn	CT(X2-9)-167
47	TTS	Oxytetracyclin, Neomycin sulfate	Gói, lon, xô, bao	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 10kg	Trị CRD, CCRD, THT, thương hàn, viêm khớp, viêm ruột trên gia cầm; viêm ruột, tiêu chảy, đóng dấu son, xoắn khuẩn trên heo	CT(X2-9)-170
48	Chlotetracycline-coli-20	Colistin, Oxytetracycline, Vitamin, Methionin	Gói	10g, 100g	Trị bệnh đường hô hấp, viêm xoang, CRD, viêm cuống phổi, viêm ruột truyền nhiễm, tiêu chảy, thương hàn, toi	CT(X2-9)-80
49	Streptomycin	Streptomycin	Lọ, chai	1g	Trị bệnh đường hô hấp, tụ huyết trùng, phó thương hàn, tiêu chảy, bệnh do Gram(-) gây ra	CT(X2-9)-112
50	Penicillin G Kali	Penicillin G kali	Lọ, chai	1.000.000iu	Trị bệnh do vi khuẩn Gr(+), bệnh lở mồm long móng, đóng dấu, nhiệt thán, xoắn khuẩn, sảy thai, co giật ở heo con, bệnh viêm có mủ	CT(X2-9)-113

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
51	Ampicillin	Ampicillin	Lọ, chai	1g, 4g, 10g	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục do vi khuẩn Gr(+), Gr(-)	CT(X2-9)-121
52	Ampicin	Ampicillin	Lọ, chai	2g, 4g, 10g	Trị bệnh nhễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục do vi khuẩn Gr(+), Gr(-)	CT(X2-9)-122

70. Công ty thuốc thú y Á Châu

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Ampi Cotrym fort	Ampicilline, Colistin	Gói	7g, 100g, 1kg	Trị THT, TH, viêm phổi, viêm dạ dày, ruột, CRD, tiêu chảy trên gia súc, gia cầm	APC-1
2	Neotesol	Neomycin sulfate, Oxytetracyclin HCl	Gói Hộp	7g, 20g, 50g, 100g, 250g, 500g 100g, 250g, 500g	Phòng và trị các bệnh đường hô hấp, CRD, toi, thương hàn, tiêu chảy, phân trắng, cầu trùng	APC-4
3	Neotesol	Neomycinsulfate, Oxytetracyclin HCl	Gói Hộp	5g, 20g, 50g, 100g, 250g, 500g 100g, 250g, 500g	Phòng và trị các bệnh: đường hô hấp, CRD, toi, thương hàn, tiêu chảy, phân trắng, cầu trùng	APC-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
4	Terramycin 500	Oxytetracyclin HCl, Sulfamethoxazol	Gói Hộp	7g, 20g, 50g, 100g, 250g, 500g 100g, 250g, 500g	Trị và phòng các bệnh: hô hấp mãn tính, viêm đường ruột, tiêu chảy, kiết lỵ, toi, cầu trùng và các bệnh nhiễm trùng khác	APC-6
5	Terramycin 500	Terramycin, vit A	Gói Hộp	5g, 20g, 50g, 100g, 250g, 500g 100g, 250g, 500g	Trị và phòng các bệnh: hô hấp mãn tính, viêm đường ruột, tiêu chảy, kiết lỵ, toi, cầu trùng và các bệnh nhiễm trùng khác	APC-7
6	Strepto Terra (L1)	Oxytetracyclin HCl, Streptomycinsulfate	Gói Hộp	5g, 20g, 50g, 100g, 250g, 500g 100g, 250g, 500g	Trị bệnh truyền nhiễm gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với Streptomycin và Oxytetracycline	APC-11
7	Strepto-Terra	Oxytetacyclin HCl, Streptomycinsulfate, Vit.A, D_3	Gói Hộp	5g, 20g, 50g, 100g, 250g, 500g 100g, 250g, 500g	Trị bệnh truyền nhiễm gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với Streptomycin và Oxytetracycline	APC-12
8	ADE. Bcomplex	Vit.A, D, E, B_1, B2, B_5, PP, Oxytetracylin HCl	Gói Hộp	5, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100, 250, 500g, 1kg	Giúp cho gia súc và gia cầm tăng trọng nhanh, tăng sản lượng trứng và khả năng tiết sữa, tăng sức đề kháng và chống bệnh	APC-29
9	ADE. Polymix (gà, vịt)	Vit.A, D, E, B_1, B_2, B_5, PP, Oxytetracyclin HCl	Gói Hộp	5, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100, 250, 500g, 1kg	Kích thích gia cầm ăn, mau lớn, ngăn ngừa thiếu máu, ỉa chảy…	APC-30

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
10	ADE. Polymix	Vit.A, D, E, B_1, B_2, B_5, PP, Oxytetracylin HCl, Lysin, $CuS0_4$, Zn, Fe, Mn, Methionin	Gói, hộp	5, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Kích thích gia súc, gia cầm ham ăn, mau lớn, ngăn ngừa thiếu máu, ỉa chảy	APC-31
11	Calcium ADE. Vit	Vitamin.A, D_3, E, vit nhóm B,Oxytetracyclin Dicalcium phosphate,	Gói Hộp	5g, 20g, 50g, 100g, 200g, 250g, 500g, 1kg, 100g, 250g, 500g, 1kg	Trị suy dinh dưỡng, còi xương, bại liệt, thiếu máu, rối loạn tiêu hóa, chậm lớn do thiếu Vit và Calcium cho gia súc, gia cầm	APC-32
12	ADE	Vitamin A, D, E	Gói, hộp	5; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin A, D, E	APC-42
13	Chlortetracylin Plus 20 %	Chlotetracyllin, Vitamin A, C	Gói, Hộp	5, 20, 50, 100, 250, 500g	Gà, vịt: bệnh viêm ruột truyền nhiễm, viêm xoang, hô hấp mãn tính (CRD). Heo và bò con: viêm ruột truyền nhiễm, tiêu chảy do nhiễm khuẩn, thương hàn, viêm cuống phổi	APC-56
14	Vịt khẹc	Tylosin base	Gói; hộp	5, 20, 50, 100, 250, 500g	Trị bệnh đường hô hấp: ho, viêm phế quản, sổ mũi, CRD, THT cho gia súc, gia cầm	APC-59

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
15	Cảm cúm	Analgin, Vit. B_1, C Oxytetracyclin HCl,	Gói Hộp	5, 20, 50, 100, 250, 500g	Trị tiêu chảy, nhiễm trùng máu, ho, sổ mũi; Phòng bệnh trong những trường hợp thay đổi môi trường và thời tiết	APC-62
16	Coli-Ampi	Ampicillin, Colistin	Gói, hộp	5, 20, 50, 100, 250g 500g	Trị tiêu chảy; viêm phổi, viêm đường hô hấp, phân trắng, thương hàn, toi, cầu trùng, viêm dạ dày, viêm ruột	APC-66
17	Terracin Egg	Vit. A, D, E, B, Oxytetracyclin, muối	Gói Hộp	5, 20, 50, 100, 250, 500g, 100, 250, 500g	Bổ sung Vitamin trong giai đoạn thú đang tăng trưởng hoặc đang bị stress	APC-68
18	Terra Egg	Oxytetracyclin HCl, Vitamin D_3, B_1, B_5, B_{12}, PP, A, E, C, B_2, B_6, K, Potasium, NaCl	Gói Hộp	5g, 20g, 50g, 100g, 250g, 500g 100g, 250g, 500g	Phòng và trị các bệnh cho gia cầm, tăng năng suất đẻ trứng, đẻ sai, thời gian đẻ trứng kéo dài	APC-76
19	Flumequin 10%	Flumequin	Gói Hộp	5g, 20g, 50g, 100g, 250g, 500g 100g, 250g, 500g	Trị viêm đường tiết niệu, nhiễm trùng đường tiêu hóa và đường hô hấp	APC-92
20	Allox	Norfloxacin	Gói Hộp	5g, 20g, 50g, 100g, 250g, 500g 100g, 250g, 500g	Chuyên trị các bệnh: sổ mũi ở Heo, Gà; vịt khẹc, bệnh sưng đầu xòe cánh liệt, và các biến chứng nghiêm trọng của bệnh hô hấp	APC-94

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
21	Cotrym-Fort	Trimethoprim, Sulfamethoxazol	Gói Hộp	5g, 20g, 50g, 100g, 250g, 500g 100g, 250g, 500g	Trị bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn Gr(-) và Gr(+) gây ra trên gia súc, gia cầm như: Tiêu chảy, tụ huyết trùng, thương hàn	APC-95
22	Tiêu chảy	Neomycin sulfate, Colistin sulfat	Gói, hộp	5g, 20g, 50g, 100g, 250g, 500g	Trị tiêu chảy cho thú nuôi	APC-97
23	Ampistin	Ampicillin, Colistin	Gói Hộp	5g, 20g, 50g, 100g, 250g, 500g 100g, 250g, 500g	Trị các bệnh do vi khuẩn G-, G+, gây ra như: Ecoli, tụ huyết trùng, phó thương hàn, hô hấp ở heo, viêm vú trên bò sữa	APC-98
24	A.D.E	Vitamin A, D, E	Gói Hộp	5g, 20g, 50g, 100g, 250g, 500g 100g, 250g, 500g	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin A, D, E	APC-99
25	Levamisol	Levamisol HCl	Gói, hộp	2; 5; 20; 50; 100; 250; 500g;	Chuyên trị các loại lãi đường phổi và đường ruột của gia súc, gia cầm	APC-102
26	Tetra Sulstrep	Oxytetracyclin HCl, Streptomycin sulfate	Gói, hộp	5g, 20g, 50g, 100g, 250g, 500g	Trị tiêu chảy. Ngừa và trị các bệnh CRD, phân trắng thương hàn, cầu trùng	APC-107
27	Terra-Streptomycin	Oxytetracyclin HCl, Streptomycinsulfate	Gói Hộp	5g, 20g, 50g, 100g, 250g, 500g 100g, 250g, 500g	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục ở gia súc, gia cầm: viêm phổi, THT, thương hàn, CRD, ỉa chảy, xuất huyết	APC-110

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
28	Erytracin B_{12}	Erythromycin, Oxytetracyclin HCl, Vitamin B_1, A, C, D_3	Gói Hộp	5g, 20g, 50g, 100g, 250g, 500g 100g, 250g, 500g	Ngừa và trị các bệnh: Hô hấp mãn tính (CRD), toi, thương hàn, tiêu chảy	APC-111
29	Premix-Superfact	Vitamin A, D, E, B_1, B_5, B_6, PP, k, Zn, Fe, Lysin, Methionin	Gói Hộp	5g, 20g, 50g, 100g, 200g, 250g, 500g, 1kg 100g, 250g, 500g, 1kg	Bổ sung các Vitamin, khoáng và axit amin, tăng sức đề kháng bệnh	APC-112
30	Khẹcvịt	Tylosin Base	Gói hộp	5g, 20g, 50g, 100g, 250g, 500g 100g, 250g, 500g	Phòng và trị bệnh đường hô hấp: ho, viêm phế quản, sổ mũi, CRD, tụ huyết trùng cho gia súc, gia cầm	APC-127
31	Calcium C	Calcium gluconat, Vitamin C	Gói Hộp	5g, 20g, 50g, 100g, 250g, 500g 100g, 250g, 500g	Điều trị suy nhược cơ thể, chảy máu cam, sốt cao, chống stress, tăng cường sức đề kháng	APC-128
32	ADE Bcomplex C	Vit. A, D, E, B_1, B_2, B_5, PP, C	Gói, hộp	50, 100, 200, 500g, 1kg; 100, 200, 500g, 1kg, 2kg	Bổ sung các Vitamin, tăng sức đề kháng bệnh	APC-134
33	Anal-Cor	Analgin, Vitamin C	Gói Hộp	5g, 20g, 50g, 100g, 250g, 500g 100g, 250g, 500g	Làm giảm đau, hạ sốt khi bị nhiễm trùng, viêm khớp, đau cơ, phục hồi sức khỏe	APC-135

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
34	Enrofloxacin	Enrofloxacin	Gói Hộp	5, 20, 50, 100, 200, 500g; 100, 500g	Điều trị thương hàn, tiêu chảy do Ecoli, viêm teo mũi truyền nhiễm, tụ huyết trùng	APC-142
35	Anti-Stress	NaCl, KCl, Vitamin C, NaBK, $MgSO_4$	Gói	5; 7; 15; 20, 50; 100; 500g; 1kg	Phòng chống stress và nâng cao sức đề kháng cho gia súc, gia cầm	APC-149
36	Đặc trị cầu trùng	Sulfa Chloropyridazin Sodium, Trimethoprim	Gói	5; 7; 15; 20, 50; 100; 500g; 1kg	Điều trị bệnh cầu trùng	APC-150
37	Vimix heo	Oxytetracyclin, Nicotinic acid, Methionin, Cholin chloride, Vit: B_2, B_6, K, A, PP, D_3, B_1, B_5, B_{12}, A, B_1, D_3, E, Fe, Zn, Co, Mn, I, Cu	Gói	5; 7; 15; 20,50; 100; 500g; 1kg	Kích thích gia súc tăng trọng nhanh, hấp thu tốt chất dinh dưỡng	APC-152
38	Vitamin C 10%	Vitamin C	Gói	5; 7; 15; 20, 50; 100; 500g; 1kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin C, tăng cường sức đề kháng	APC-153
39	Anti-Cocsin	Sulfa Chloropyridazin. Trimethoprim, Vitamin A, D_3, E	Gói	5; 7; 15; 20, 50; 100; 500g; 1kg	Điều trị bệnh cầu trùng	APC-156

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
40	Vimix gà vịt	Oxytetracyclin , Methionin, Nicotinic acid, Cholin chloride, Vit B_2, B_5, B_6, K, B_{12}, PP, A, B_1, D_3, E, Fe, Zn, Co, Mn, I, Cu	Gói	5; 7; 15; 20,50; 100; 500g; 1kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin, khoáng và acid amin, tăng sức đề kháng	APC-157
41	Neomix 200	Oxytetracycline HCl, Neomycin sulfate	Gói, hộp	5; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg.	Điều trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm ruột trên trâu, bò, ngựa, lợn, cừu, dê, thỏ, gia cầm	APC-58
42	Kháng sinh tổng hợp	Oxytetracycline HCl, Colistin sulfate, Vitamin A, D_3, K_3, E, B_2, B_{12}, Nicotinic acid, Ca pantothenate	Gói, hộp	5; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg.	Điều trị viêm ruột, hô hấp mãn tính, tăng cường sức đề kháng trên gia súc, gia cầm	APC- 60
43	Toi- Thương hàn	Oxytetracycline HCl, Vitamin B1, PP, B_6, B_2, B_5	Gói, hộp	5; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg.	Điều trị tiêu chảy, bệnh đường hô hấp, trợ sức trên trâu, bò, heo, gà, vịt, cút	APC- 61
44	T-T-S	Tylosin tartrate, Sulfadimidin	Gói, hộp	5; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg.	Điều trị nhiễm khuẩn đường ruột, hô hấp trên heo, gia cầm	APC- 70

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
45	Terracoli-vet	Oxytetracycline HCl, Colistin sulfate,Vitamin A, D_3, K, E, B_{12}, Riboflavine, Niacinamide, Pantothenic acid	Gói, hộp	5; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg.	Điều trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa do các vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline, Colistin gây ra trên trâu, bò, heo, gia cầm	APC- 75
46	Doxycol	Doxycycline, Colistin	Gói, hộp	5; 50; 100; 500g	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	APC-172
47	Streptomycin sulfate	Streptomycin sulfate	Lọ, chai	10ml	Trị bệnh đường hô hấp	APC-52
48	Benzyl-Penicillin	Penicillin	Lọ, chai	10ml	Trị các bệnh do nhiễm trùng ở thú	APC-114
49	Penicillin	Penicillin	Lọ, chai	400.000UI	Trị bệnh do vi khuẩn Gram (+), trực khuẩn, xoắn khuẩn	APC-123
50	Ampi cillin 1g	Ampicillin	Lọ, chai	20ml	Trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, viêm dạ dày ruột, hô hấp mãn tính, viêm vú, viêm âm đạo	APC-124
51	Ampicoli 1g	Ampicillin, Colistin sulfate	Lọ, chai	10ml	Trị viêm đường hô hấp, viêm đường tiêu hóa, nhiễm trùng máu, tiết niệu, khẹc vịt	APC-125

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
52	Ampicoli 5g	Ampicillin, Colistin sulfate	Lọ, chai	100ml	Trị các bệnh viêm đường hô hấp, viêm đường tiêu hóa, nhiễm trùng đường máu, tiết niệu, khẹc vịt	APC-126

B. DANH MỤC THUỐC ĐƯỢC PHÉP ĐÓNG GÓI LẠI

1. Công ty TNHH TM Thú y Tân Tiến

TT	Tên thuốc	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Nhà sản xuất	Số đăng ký
1	Tylan 40 Premix	Gói, bao	100; 500g; 1; 2, 5; 5; 10kg	Elanco Animal Health USA	EC-1
2	Tylan Soluble	Gói, bao	10; 20; 25; 50; 100; 500g; 1kg	Elanco Animal Health USA	EC-2
3	Apralan Soluble	Gói, bao	10; 20; 25; 50; 100; 500g; 1kg	Elanco Animal Health USA	EC-6
4	Tylan 40 Sulfag	Gói, bao	100; 500g; 1; 2, 5; 5; 10kg	Elanco Animal Health USA	EC-12
5	CYC 100	Gói, bao	100; 500g 1; 2, 5; 5; 10kg	Choong ang biotech Korea	CAC-6
6	Panacur 4%	Gói, bao	12, 5; 25; 100g; 0, 5; 1; 5kg	Intervet, Holand	IT-101
7	Daimenton Soda	Gói, bao	10; 20; 25; 50; 100; 500g; 1kg	Daii chi Fine chemical industry Japan	FUJI-3
8	Rovimix Stay C35	Gói	100; 200; 500g; 1kg	F.Hoffmann La Roche Inc-SwitzerlaND	HRL-31
9	Neo-Terramycin 50, 50	Gói	100; 200; 500g; 1kg	Pfizer Pty-Australia	PFU-26

2. Công ty TNHH thương mại và sản xuất Thiện Nguyễn

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Nhà sản xuất	Số đăng ký
1	Snip	Azamethipos	Gói	20; 250g	Novatis	CGN-05
2	ESB3	Sulfaclozine sodium	Gói	20; 250g	Novatis	CGN-06
3	Cosumix Plus	Sulfachuorpyridazine sodium	Gói	20; 250g	Novatis	CGN-11
4	Quixalud 60%	Haquinol	Gói	100g; 1; 10kg	Novatis	CGN-21
5	Tiamulin 45%	Tiamulin	Gói	10; 20; 100g	Novatis	SD-5-7
6	Tiamulin 10%	Tiamulin	Gói	100g; 1; 10kg	Novatis	CGN-18
7	Tetramutin	Tiamulin - Chlotetracycline	Gói	100g; 1kg	Novatis	SD-4-5
8	Econor 1%	Valnemulin	Gói	100; 500g; 1kg	Novatis	NVT-1-6
9	Econor 10%	Valnemulin	Gói	100; 500g; 1kg	Novatis	NVT-2-6

3. Công ty TNHH thương mại và sản xuất thuốc thú y Thịnh Á

TT	Tên thuốc	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Nhà sản xuất	Số đăng ký
1	Cephalothin Inj	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Ruey Shyon Pharmaceutical-Taiwan	RSPT-2
2	Cephalexin Soluble Powder	Gói	100; 500; 1000g	Ruey Shyon Pharmaceutical-Taiwan	RSPT-3
3	Kanamycin Inj	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Ruey Shyon Pharmaceutical-Taiwan	RSPT-4
4	Penbritin Inj	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Ruey Shyon Pharmaceutical-Taiwan	RSPT-6
5	Spectlincomycin Inj	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Ruey Shyon Pharmaceutical-Taiwan	RSPT-7
6	Tylosin Inj	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Ruey Shyon Pharmaceutical-Taiwan	RSPT-8

4. Công ty cổ phần dược thú y Cai Lậy

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Nhà sản xuất	Số đăng ký
1	Ascarex D	Piperazin HCl	Gói, lon	5; 10; 50; 100; 200; 500; 1000g	PM Tezza S.R.L - Thụy Điển	AZN-01

5. Công ty liên doanh GUYOMARC'H - VCN

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Số đăng ký
1	Vitaflash	Vitamin A, E, B_1, B_2, B_{12}, C, K_3, PP, B_5, Cystine, Methionine, Lysin, Arginine, Tritophane	Gói	20; 50 100g	GUY-1
2	Covit	Colistine, Oxytetracycline, Vit A, D_3, K_3, E, B_2, B_{12}	Gói	20; 50 100g	GUY-2
3	Anticoc	Sulphadimerazine, Diaveridine	Gói	20; 50 100g	GUY-4
4	Doxy 5	Doxycillin	Gói, bao, thùng	20; 50 100; 500g 1; 5kg	FRAN-1

6. Công ty TNHH thương mại và sản xuất Việt Viễn

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dang đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Nhà sản xuất	Số đăng ký
1	Colistin Sulphate	Colistin sulphate	Gói, bao	5, 10, 50, 100, 500g 1,5kg	Meiji (Nhật)	MJ-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dang đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Nhà sản xuất	Số đăng ký
2	Colimeiji 10%	Colistin sulphate	Gói, bao	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1; 5kg	Meiji (Thái Lan)	MJT-3
3	Pacoma	Mono, bls (Trimethylammolumme thylene cchloride))-alkyl toluene	Chai Can	50ml, 100ml, 500ml 1; 2; 5 lít	Scientific Feed Labo-ratory (Nhật)	SS-2
4	Crente	Sodiumdichloroisocyanurat	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Eisai (Nhật)	NCIJ–1
5	EZF-300PW	Natural Yucca Schidigera	Bao, xô	100, 500, 1000g, 10kg	Ameco-Bios (Mỹ)	ABU-03
6	Coccirol-S	Amprorium, Sulfaquinoxaline	Lon, gói, bao	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Choong Ang Biotech (Hàn Quốc)	CAC-11
7	Methomix - WP	Sulfachloropyridazine, Trimethoprim	Lon, gói, Bao	10, 20, 50, 100, 500g 1kg	Choong Ang Biotech	CAC-13

7. Công ty cổ phần phát triển công nghệ nông thôn

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Nhà sản xuất	Số đăng ký
1	Stresroak	Thảo dược, Phyllanthu emica, Whithania sanctum, Mangifera indica	Chai Bình	50; 125; 500ml; 2; 5l	Dabur Ayuvet Limited, Ấn Độ	DAL-1
2	Diaroak	Thảo dược, Acacia catechu, Aegle marmelos, Andrographis panicultata, Berberis aristata	Gói Túi	30; 100; 200; 400g 1; 2; 5kg	Dabur Ayuvet Limited, Ấn Độ	DAL-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Nhà sản xuất	Số đăng ký
3	Livfit Vet Liquid	Thảo dược (herbal ingredients)	Chai; Can	500ml; 1; 2; 5 lít	Dabur Ayuvet Limited, Ấn Độ	DAL-3

8. Công ty TNHH ASIALAND Việt Nam

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Heparenol	Sorbitol, acetylmethionine, Chlorur cholin.	Bình	100; 250; 500ml; 1; 5 L	Tăng cường chức năng gan, lợi tiểu, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn	MRA-94
2	Oligoselen Vitamine E	Sodium selenite, Vit E	Bình	100; 250; 500ml; 1; 5 L	Bổ sung Vitamine E và Selenium	MRA-95
3	Polystrongle	Levamisole	Gói	100; 250; 500g; 1; 2,5; 5kg	Phòng và trị bệnh do các loại giun tròn nhạy cảm với levamisol	MRA-105
4	Super Layer	Oxytetracycline, Lysine Vitamin A, D_3, E, K_3, B_2, B_{12}, PP, Calcium, Met	Gói	100; 250; 500g; 1; 2,5; 5kg	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với oxytetracycline. Bệnh đường tiêu hóa, hô hấp có liên quan đến stress	MRA-108
5	Aleccid	Sulfaquinoxaline, Pyrimethamine	Bình	100; 250; 500ml; 1; 5 L	Phòng, trị bệnh cầu trùng	MRA-144

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
6	Phosretic	Ethanol B aminophosphoric axít	Gói, hộp	100g; 1; 2,5; 5 kg	Phòng và chữa trị các bệnh có liên quan đến gan và thận	MRA-152
7	Nebutol	Alkyl dimethyl benzyl ammonium chloride,	Chai, Bình	100; 250; 500ml; 1; 5 L	Thuốc sát trùng	MRA-193
8	Vitalic	Vitamin A, E, B_1, B_2, B_6, PP, B_{12}, Calcium panthothenate, Biotin	Bình	100; 250; 500ml; 1; 5 L	Bổ sung hỗn hợp vitamin cho gia cầm	MRA-196
9	Ronaxan PS 5%	Doxycycline	Gói, hộp	100g, 250; 500g; 1; 2,5kg, 5kg	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline	MRA - 47
10	Ronasan 20%	Doxycycline	Gói, hộp	100g, 250; 500g; 1; 2,5 kg, 5, 25kg	Phòng trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline	MRA - 65
11	Cofacoli	Colistine	Gói, hộp	100g, 200; 500g; 1; 2,5 kg, 5kg	Trị bệnh gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin ở gia cầm, thỏ, bê cừu	MRA - 150
12	Imequyl 20%	Flumequine	Chai	100; 250; 500ml; 1; 2,5; 5l	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn gr(-), gây cho ga, vịt, thỏ, bê, cừu, heo	MRA-49
13	Vitaperos	12 vitamines	Hộp,bao	100; 250; 500g; 1; 2,5; 5kg	Bổ sung vitamin cho gia súc	MRA-62
14	Cofamox 20	Amoxilin	Hộp, gói	100; 250; 500g; 1; 2,5; 5kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với amoxilin	MRA-187

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
15	Amprol 12%	Amprolium	Chai, bình	100; 250; 500ml; 1; 2,5; 5l	Phòng và trị bệnh cầu trùng gia cầm	MRA-189
16	Flumicof 20	Flumequine	Bình	100; 250; 500ml; 1; 2,5; 5l	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine	MRA-191

9. Công ty TNHH TM & SX thuốc thú y NAPHA

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Valosin FG 50	Acetyl isovaleryl tylosin tartrate	Gói	500g; 1kg	Chữa Mycoplasma, viêm phổi	ECO-3

C. DANH MỤC THUỐC, NGUYÊN LIỆU LÀM THUỐC THÚ Y ĐƯỢC NHẬP KHẨU

ANH (ENGLAND)

1. Công ty ANUPCO

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Anflox 10% Inj	Norfloxacin	Chai	100ml	Điều trị bệnh do Mycoplasma, E.coli và các vi khuẩn Gr(-) và Gr(+) gây ra	AP-02

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Aminovit	Vitamin	Chai	100, 1000ml	Bổ sung vitamin	AP-03
3	Vitalyte	Vitamin, khoáng vi lượng	Hộp, gói	30; 150g; 1kg	Tăng sức đề kháng, chống mất nước, stress	AP-05
4	Anflox 5% Inj	Norfloxacin	Chai	100ml	Điều trị bệnh do Mycoplasma, E.coli và các vi khuẩn Gr(-) và Gr(+) gây ra	AP-07
5	Flumex 20	Flumequine	Chai	100; 1000ml	Trị các bệnh do E.coli, Haemophilus, Pastuerella, Staphylococci,..	AP-08
6	Anflox Feed Premix	Norfloxacin	Hộp, thùng	1; 5; 10kg	Trị các bệnh do Mycoplasma, E.coli gây ra	AP-10
7	Poultry Anti Stress	Hỗn hợp vitamin	Gói, hộp	30; 150g; 1kg	Tăng sức đề kháng, giảm stress	AP-11
8	Flumequin 10	Flumequin	Gói	100g; 1kg	Trị các bệnh do vi khuẩn Gr(-) và Gr(+), Colibacillus, Salmonella gây ra	AP-12
9	Anflox Gold	Norfloxacin	Chai	100; 250; 500; 1000ml	Trị các bệnh do Mycoplasma, E.coli gây ra	AP-15
10	Cotrim 240 Inj	Trimethoprim, Sulfadiazine	Chai	50; 100ml	Trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu	AP-16
11	Ancomycin 200 LA Inj	Oxytetracycline base	Chai	100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin gây ra	AP-18
12	Cotrim 480W	Trimethoprim, Sulfadiazine	Hộp, gói	100; 500g	Trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu	AP-20

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
13	Tylosin 200 Inj	Tylosin	Chai	100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn Gr(+) và Mycoplasma gây ra	AP-22
14	Anflox 10% WSP	Norfloxacin	Gói	100g; 1; 5kg	Trị các bệnh do Mycoplasma, E.coli gây ra	AP-23
15	Amoxycillin 150 LA Inj	Amoxycillin	Chai	100ml	Trị cầu trùng cục bộ, đường niệu, hô hấp	AP-26
16	Anflox Platium	Norfloxacin	Chai	100; 250; 500; 1000ml	Trị các bệnh do Mycoplasma, E.coli gây ra	AP-28
17	Penstrep 20/20 Inj	Penicillin, Streptomycin	Chai	100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin, Streptomycin gây ra	AP-30
18	Kitacin 110 Premix	Kitasamycin	Hộp	1; 5; 10kg	Trị bệnh hồng lỵ, viêm phổi truyền nhiễm ở heo, bệnh hô hấp ở gia cầm	AP-31
19	Ivermectin 10 Inj	Ivermectin	Chai	50; 100ml	Trị các bệnh nội, ngoại ký sinh trùng	AP-32
20	Poultry Electrolyte	Chất điện giải	Gói, hộp	150g; 1kg	Cung cấp chất điện giải	AP-33
21	Vit ADE Inj	Vitamin, A, D, E	Chai	100ml	Bổ sung vitamin A, D, E	AP-34
22	Tiamulin 100 Inj	Tiamulin	Chai	100ml	Trị bệnh Bạch lỵ	AP-35
23	Ancomox 50	Amoxicillin	Gói	100g	Trị bệnh gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với amoxicillin	AP-36
24	Ancodox 20	Doxycycline	Gói, hộp	100g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày ruột, hô hấp, tiết niệu, viêm vú, viêm tử cung, vết thương trên bê, nghé, heo, gia cầm	AP-37

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
25	Ancoprofen 10%	Ketoprofen	Chai	50; 100ml	Chống viêm, giảm đau, hạ sốt	AP-38
26	Doxycol	Doxycycline hyclate	Gói, hộp	100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vk nhạy cảm với Doxycycline trên bê, nghé, cừu, lợn và gia cầm	AP-39
27	Anconil 25	Nitroxynil	Chai	10; 250ml	Trị sán lá, giun tròn trên trâu bò, cừu, dê, thỏ, chim trĩ, gà lôi	AP-40

2. Công ty TITHEBARN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Quintril 10% Inj	Norfloxacin	Chai	100ml	Điều trị các bệnh vi khuẩn	TTUK-01
2	Tithermectin	Ivermectin	Chai	50; 100ml	Điều trị các bệnh ký sinh trùng	TTUK-02
3	Vitamin ADE Inj	Vitamin A, D, E	Chai	100ml	Bổ sung vitamin	TTUK-03
4	Penstrep Inj	Penicillin, Streptomycin	Chai	100ml	Điều trị bệnh do vi khuẩn Gr(+) và Gr(-) gây ra	TTUK-04
5	Tyloject 20%	Tylosin	Chai	100ml	Điều trị các bệnh vi khuẩn	TTUK-05

3. Công ty ECO ANIMAL HEALTH

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Chlortet FG 150	Chlotetracycline	Bao	20; 25kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp	ECO-01

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Oxytet FG 200	Oxytetracycline	Bao	20; 25kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp	ECO-02
3	Valosin FG 50	Acetyl isovaleryl	Bao	20; 25kg	Chữa Mycoplasma, viêm phổi	ECO-03
4	Ecomectin 1%j Inj	Ivermectin	Chai	20; 50; 200; 500ml	Chữa nội ngoại ký sinh trùng	ECO-04
5	Tyleco soluble	Tylosin Tartrate	Tuyp, thùng	100g; 15; 25kg	Chữa Mycoplasma cho gia cầm, chữa viêm phổi trên lợn	ECO-05
6	Flaveco 40	Flavophospholipol	Bao	20; 25kg	Tăng sức đề kháng, giúp gia súc, gia cầm tăng trưởng	ECO-06
7	Saleco 120	Salinomycine	Bao	20; 25kg	Phòng và trị bệnh cầu trùng cho gia cầm	ECO-07

4. Công ty SPECIAL T PRODUCT

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Oxytet 200 LA Inj	Oxytetracyclin	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày, ruột, hô hấp, viêm khớp trên bò, dê, cừu, heo	SPT-1
2	Trimasul 240 LA	Trimethoprim Sulfadoxine	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày, ruột, hô hấp, tiết niệu trên bò, dê, cừu, heo	SPT-2
3	Enro 10% Inj	Enrofloxacin	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày, ruột, hô hấp, tiết niệu trên bò, heo	SPT-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
4	Speclin inj	Spectinomycin Lincomycin	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày, ruột, hô hấp trên bê, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	SPT-4
5	Amoxyject 15% LA	Amoxycillin	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày, ruột, hô hấp, tiết niệu trên bò, dê, cừu, heo	SPT-5
6	Iverject inj	Ivermectin	Chai	100ml	Trị giun và ngoại ký sinh trùng trên bò, dê, cừu, lợn	SPT-6
7	Tyloject 200	Tylosin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, heo	SPT-7
8	Dexoject 200 Plus	Iron, Vitamin B_{12}	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng bệnh thiếu máu trên bê, nghé, heo con	SPT-8

5. Công ty MERIDEN ANIMAL HEALTH

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Orego-Stim Powder (thảo dược)	Oreganum Aetheroleum	Bao	1; 5; 25kg	Thảo dược, thuốc bổ dưỡng	MRD-02
2	Orego-Stim Liquid (thảo dược)	Oreganum Aetheroleum	Chai, can	1; 5; 25 lít	Thảo dược, thuốc bổ dưỡng	MRD-03

ARGENTINA

1. Công ty CEVASA S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Amoxin 14%	Amoxicilin trihydrate, Bromhexine HCl	Gói, bao, xô, thùng	100; 500g; 1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicilin gây ra trên trâu, bò dê, cừu, lợn, chó, mèo	CEVA-1
2	Cenflox	Enrofloxacin base	Chai	100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	CEVA-2
3	Cefur 5%	Ceftiofur HCl	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Ceftiofur gây ra trên bò, lợn	CEVA-3
4	Enflox 10%	Enrofloxacin	Chai, bình	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra ở gia cầm	CEVA-4
5	Flocol 30%	Florfenicol	Chai	50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với florfenicol gây ra trên bò, lợn	CEVA-5
6	Mycoticev	Tilmicosin phosphate	Chai	50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, do vi khuẩn nhạy cảm với Tilmicosin gây ra trên trâu, bò, lợn, chó	CEVA-6
7	Celexin 18%	Cephalexin	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với cephalexin gây ra trên trâu, bò, lợn	CEVA-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
8	Anticoccin	Diclazuril	Chai	50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng trên lợn, cừu, chim, thỏ	CEVA-8
9	Ceflorsol 30	Florfenicol	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên bò, heo	CEVA-9
10	Antigermen Forte	Didecyl dimethyl ammonium chloride, Glutaral-dehyde, Glioxal, Isopropanol	Chai, thùng	1; 5; 20; 205 lít	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi	CEVA-10
11	Povy 10	Povydone idine; Trisodium-phosphate	Chai	1; 5; 20; 205 lít	Thuốc sát trùng	CEVA-11
12	Tilmicox solucion	Tilmicosin phosphate	Chai	60; 240ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn mẫn cảm với Tilmicosin gây ra trên trâu bò, lợn và gia cầm	CEVA-12
13	Oxicev L.A	Oxytetracycline	Chai	100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn mẫn cảm với Oxytetracyclin trên trâu bò, cừu, lợn và gia cầm	CEVA-13
14	Cevasafur	Ceftiofur HCl	Lọ	100ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn mẫn cảm với Ceftiofur trên bò, lợn	CEVA-14
15	Amoxicev 500	Amoxicilline trihydrate	Gói	100; 400g	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, đường hô hấp và đường sinh dục gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilin trên lợn và gia cầm	CEVA-15

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
16	Energyvit KSA	Vitamin A; B_1; B_2; B_6; B_{12}; D_3; E; K_3, các axit amin	Chai	1 lít	Trị các bệnh do thiếu vitamin, chống stress	CEVA-16
17	Cevasamectin	Ivermectin	Chai	50; 100; 500ml	Trị các bệnh ngoại, nội ký sinh trùng trên bò, lợn	CEVA-17
18	Cevasalexin	Cephalexin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn mẫn cảm với Cephalexin trên bò, chó, mèo	CEVA-18
19	Tilmicox premix	Tilmicosin phosphate	Chai, túi	100g; 1; 5 kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn mẫn cảm với Tilmicosin gây ra trên lợn, gia cầm	CEVA-19
20	Cevasamox	Amoxicilline trihydrate, Bromhexine HCl	Gói, chai, túi	100g; 1; 5 kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, đường hô hấp và đường sinh dục do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilin trên lợn, gia cầm	CEVA-20
21	Diclacev	Diclazuril	Chai	250ml; 1 lít	Trị bệnh cầu trùng trên cừu, lợn, thỏ, gà	CEVA-21
22	Celflorsol 10	Florfenicol	Chai	1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường ruột do vi khuẩn mẫn cảm với Florfenicol trên heo, gia cầm	CEVA-22
23	Doxi 10%	Doxycycline hyclate	Chai, bình	10; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị viêm mũi, Mycoplasma, Tụ huyết trùng, thương hàn, viêm ruột tiêu chảy trên lợn, gia cầm	CEVA-23

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
24	Coli 1200	Colistin Sulfate	Gói, bao, hộp, xô	100; 500g; 1; 5; 25kg	Trị E.coli, thương hàn, viêm dạ dày - ruột, tiêu chảy trên bê nghé, lợn, gia cầm	CEVA-24
25	Enflox Premix	Enrofloxacin	Gói, bao, hộp, xô	100; 500g; 1; 5; 25kg	Trị ly, E. coli, Mycoplasma, thương hàn, viêm phổi trên gà	CEVA-25
26	Mycoticev Premix	Tilmicosin phosphate	Gói, bao, hộp, xô	100; 500g; 1; 5; 25kg	Trị tụ huyết trùng, Mycoplasma, tụ cầu khuẩn và liên cầu, đóng dấu trên trâu bò, lợn, gia cầm	CEVA-26
27	Cetrifos P	Calcium Fosfomycin, Erythromycin	Gói, bao	100g; 1kg, 5kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, đường ruột trên gà	CEVA-27

2. Công ty Proagro S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Florfec	Florfenicol	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu chảy, nhiễm trùng tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo	PSA-1
2	Irondel LA	Oxytetracyclin	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị viêm phổi, tiêu chảy, viêm vú, viêm tử cung, mất sữa (MMA) trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm, thỏ	PSA-3
3	Floxin 5%	Enrofloxacin	Chai	50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột, tiết niệu, viêm da trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo	PSA-4

3. Công ty Vetanco S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Inoxel RTU	Ceftiofur HCl	Chai	90ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	VTA-1

ẤN ĐỘ (INDIA)

1. Công ty ALEMBIC LIMITED

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Bacipen Injection (Ampicillin Injection BP)	Ampicillin sodium BP	Lọ	2g	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gr(+) và Gr(-)	ALBI-1
2	Fortified procaine Penicillin Inj. BP 40 Lacs	Procain penicillin BP, Benzylpencillin sodium	Lọ	4.000.000UI	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gr(+)	ALBI-2

2. Công ty AROSOL CHEMICAL PVT

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Liverolin liquid	Thảo dược: Solanum nigrum, Tephrosia purpurea	Lọ, chai, can	50; 100; 250; 500ml; 1; 5lít	Phòng và trị bệnh gan, loại bỏ độc tố Aflatoxin	ARSI-1
2	Skincure spray	Pinus roxburghii, Cedrus deodara oil, Eucalyplus globules oil, Curcuma longa	Chai	90; 200; 450ml	Xịt vết thương, các trường hợp nhiễm trùng, vết thương có dòi, tổn thương	ARSI-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3	Pet grow	Calcium, Phosphorus, Vitamin A, Vitamin D_3, Vitamin B_{12}	Chai	200ml	Trị suy nhược, thiếu máu, khô mắt, quáng gà trên chó, mèo	ARSI-3
4	Aronica wash	Arnica montana, China officinalis, Cantharis vesicatoria, Peet phen	Chai	200ml	Trị lông rối, mùi hôi, lông da khô, rụng lông, vảy trên da trên chó, mèo	ARSI-4
5	Pet liv	Silybum marianum, Phyllanthus niruri, Eclipta alba, Tephrosia purpurea, Solanum nigrum, Fumaria indica, Boerhaavia diffusa, Taraxacum officinalis, Embelia ribes, Tecoma undulata, Ocimum sanctum extract	Chai	200ml	Trị viêm gan, hội chứng gan nhiễm mỡ, gan đại phì, chứng xơ gan, viêm túi mật, giải độc tố Aflatoxin trên chó, mèo	ARSI-5

3. Công ty AYURVET Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Stresroak	Thảo dược, Phyllanthu emica, Whithania sanctum, Mangifera indica	Chai Bình	50; 125; 500ml; 2; 5; 200l	Dùng trị chống sốc cho gia cầm và tăng cường sức đề kháng cho cơ thể	DAL-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Diaroak	Thảo dược, Acacia catechu, Aegle marmelos, Andrographis panicultata, Berberis aristata, Hylarrhoea	Gói Túi	30; 100; 200; 400g 1; 2; 5; 15kg	Đặc trị bệnh đường ruột cho gia súc, gia cầm	DAL-2
3	SuperLiv	Thảo dược (herbal ingredients)	Chai; Can	500ml; 1; 2; 5; 200 lít	Thuốc bổ gan cho gia cầm	DAL-3
4	Exapar	Thảo dược, Aloe barbadensis, Aristolochia indica, Gloriosa superba, Lipidium sativum,…	Chai	500ml; 1 lít	Giúp tống nhau thai ra ngoài đúng lúc, điều tiết lượng sản dịch, thúc đẩy quá trình thu teo của tử cung	DAL-4
5	Payapro	Asparagu racemosus, Foeniculum vulgare, Cuminum cyminum, Puerarie tuberosa, Leptadenia reticulata, Glycyrrhiza glabra, Negella sativa	Túi	1; 5; 15; 20kg	Phòng và trị bệnh mất sữa, tắc sữa và thiếu sữa ở lợn nái	DAL-5
6	Mastilep	Cedrus deodara, Curcuma longa, Eucalyptus globulus, Glycyrrhiza glabra, Paedaria foetida, Sulphur	Tuýp	125g	Trị viêm vú	DAL-6

4. Công ty CIPLA VETCARE

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Otcvet la 20% inj	Oxytetracyclin 20%	Lọ, chai	10ml; 20ml, 50ml, 100ml	Phòng trị viêm vú, viêm tử cung, viêm ruột, tiêu chảy trên lợn, trâu, bò, viêm phổi,…	CIPLA-01
2	Enrovet 5% inj	Enrofloxacin 5%	Lọ, chai	20ml, 50ml, 100ml	Phòng trị suyễn lợn, viêm phổi, Viêm ruột do E.coli, Salmonella, E.coli dung huyết, …	CIPLA-02
3	Enrovet 10% inj	Enrofloxacin 10%	Lọ, chai	20ml, 50ml, 100ml	Phòng trị suyễn lợn, viêm phổi, viêm ruột do E.coli, Salmonella, E.coli dung huyết, …	CIPLA-03
4	Enrovet 10% Oral solution	Enrofloxacin 10%	Lọ, chai, can	100ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Phòng, trị hen gà CRD, hen ghép CCRD, các bệnh tiêu chảy do E.coli, Salmonella, Tụ huyết trùng, sưng đầu khẹc vịt, Coryza	CIPLA-04
5	Enrovet 2.5% Oral solution	Enrofloxacin 2,5%	Lọ, chai, can	100ml, 500ml, 1 lít, 5 lít	Phòng, trị hen gà CRD, hen ghép CCRD, các bệnh tiêu chảy do E.coli, Salmonella, tụ huyết trùng, sưng đầu khẹc vịt, Coryza	CIPLA-05
6	Doxycip 20% Doxycycline Oral Powder 20% w/v	Doxycycline 20%	Gói, bao	50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg	Phòng trị CRD, Coryza, tiêu chảy do E.coli, Salmonella, viêm ruột hoại tử trên gia súc, gia cầm	CIPLA-06

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
7	Ivocip inj Ivermectin 1% Inj	Ivermectin 1%	Lọ, chai	20ml, 50ml, 100ml	Thuốc tiêm trị ghẻ Sarcoptes, tẩy giun và trị các loại nội, ngoại ký sinh trùng khác	CIPLA-07
8	Vetpro 20% Amprolium 20% Soluble Powder	Amprolium 20%	Gói, bao	100; 200; 500g 1; 5kg	Trị cầu trùng cho gia súc, gia cầm	CIPLA-08
9	Vetpro 60% Amprolium 60% Soluble Powder	Amprolium 60%	Gói, bao	100; 200; 500g 1; 5kg	Trị cầu trùng cho gia súc, gia cầm	CIPLA-09
10	OTC Vet 5% Inj Oxytetracyclin inj	Oxytetracyclin	Lọ, chai	10; 50; 100ml	Phòng trị viêm vú, viêm tử cung, viêm ruột, tiêu chảy, viêm phổi, viêm đường tiết niệu	CIPLA-11
11	Vetraz	Amitraz	Lọ, chai	100; 250; 500ml; 1 lít	Trị ghẻ Sarcoptes và Demoec. Trị ve, rận và các loài ngoại ký sinh trùng khác	CIPLA-12
12	Tylocip 50% powder	Tylosin tartrate	Gói	50; 100; 500g; 1kg	Đặc trị các bệnh hen gà CRD, trị bệnh lỵ heo	CIPLA-13
13	Novaclox 2000	Amoxycillin Cloxacillin	Hộp, lọ	2g	Trị bệnh viêm phổi, tiêu chảy	CIPLA-14
14	Cipcox 2,5% sol (Totrazuril 2,5%)	Totrazuril	Chai	100ml, 500ml, 1 lít	Trị bệnh cầu trùng cho gia cầm	CIPLA-15
15	Genta Dox	Gentamicin Doxycyclin	Gói	100g, 500g, 1kg	Trị bệnh tiêu chảy, viêm ruột	CIPLA-16

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
16	Advocip 2,5%	Danofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Đặc trị các bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, bê, nghé, lợn	CIPLA-17
17	AAdvocip	Danofloxacin	Gói	75; 150g	Đặc trị bệnh đường hô hấp trên gia cầm	CIPLA-18
18	Trycip	Diminazen-diaceturate, Phenazone BP	Gói	2,36; 4,72; 7,08; 9,44; 11,8g	Điều trị các bệnh ký sinh trùng đường máu trên trâu, bò	CIPLA-19
19	Megaclox	Ampicillin sodium, Cloxacillin sodium	Syringe	5g	Điều trị viêm vú trên bò sữa do các vi khuẩn nhạy cảm với Cloxacillin	CIPLA-20
20	Clinvet	Clindamycin hydrochloride USP	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Clindamycin gây ra cho chó, mèo	CIPLA-21
21	VVitavet Inj	Vitamin A, D_3, E	Chai	10; 30; 100; 120; 500ml; 1 lít	Phòng, trị bệnh do thiếu Vitamin A, D_3, E cho trâu, bò, bê, nghé, lợn, cừu, ngựa	CIPLA-22
22	OTC 20%	Oxytetracyclin hydrochloride	Gói	50, 100, 200, 500g; 1kg	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetra-cyclin gây ra cho gia cầm	CIPLA-23
23	Benvet-600	Abendazole USP	Viên	5 viên/vỉ (2 vỉ/hộp)	Trị giun, sán cho trâu, bò, lợn, dê, cừu, ngựa, lạc đà, hươu, nai	CIPLA-24

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
24	Micohex	Miconazole nitrate, Chlorhexidine gluconate	Lọ	100; 250ml; 2,5 lít	Trị viêm tuyến bã nhờn, viêm da do nhiễm khuẩn và nhiễm nấm trên da chó, ngựa	CIPLA-26
25	Prazivet Plus Tablets	Pyratel Pamoate, Praziquantel, Febantel	Viên	670mg	Trị sán dây, giun tròn trên chó	CIPLA-27
26	Clavet-250	Amoxicillin, Acid Clavulanic	Viên	850mg	Trị nhiễm khuẩn mô mềm, hô hấp, tiết niệu, viêm ruột, viêm lợi trên chó, mèo	CIPLA-28
27	Heartcare Chewable (for dogs up to 11kg)	Pyratel Pamoate, Ivermectin	Viên	6,41g	Phòng trị giun tròn, giun móc, sán cơ tim trên chó	CIPLA-29
28	Heartcare Chewable (for dogs 12to22kg)	Pyratel Pamoate, Ivermectin	Viên	6,64g	Phòng trị giun tròn, giun móc, sán cơ tim trên chó	CIPLA-30
29	Heartcare Chewable (for dogs 23to45kg)	Pyratel Pamoate, Ivermectin	Viên	7,78g	Phòng trị giun tròn, giun móc, sán cơ tim trên chó	CIPLA-31
30	Heartz (for medium size dogs 12to22kg)	Pyratel Pamoate, Ivermectin	Viên	770mg	Phòng trị giun tròn, giun móc, sán cơ tim trên chó	CIPLA-32
31	Cipcox 5% Suspension	Toltrazuril	Lọ	100ml	Trị tiêu chảy do cầu trùng gây ra trên lợn con	CIPLA-33

5. Công ty RFCL LIMITED

TT	Tên thuốc,	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Enrocin 10% Injection (Enrofloxacin 10% Inj)	Enrofloxacin	Lọ, chai	10; 15; 30; 50; 100; 250ml	Trị bệnh CRD, viêm phổi, tiêu chảy	RBXI-1
2	Enrocin (Enrofloxacin 10% oral Solution)	Enrofloxacin	Lọ, chai, can	15; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh CRD, viêm phổi, tiêu chảy	RBXI-2
3	Capsola	Calcium, Phospho, Vitamin D_3, B_{12}	Lọ, chai, can	100; 200; 500ml; 1; 5 lít	Phòng và trị bệnh do thiếu canxin, phospho, mềm xương	RBXI-3
4	Ticomax	Fenvalerate (20% EC)	Lọ, chai	10; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Thuốc trị ngoại ký sinh trùng: ve, mạt, rận,…	RBXI-5
5	Caldivet-B_{12}	Calcium, Vitamin B_{12}, D_3, Cholin	Lọ, chai, can	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Phòng và trị bệnh do thiếu canxin, phospho, loãng xương	RBXI-6
6	B-Complex oral liquid-5X	Vitamin B_2, B_6, B_{12}, B_5, PP	Lọ, chai, can	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin nhóm B	RBXI-7

6. Công ty Vetoquinol India Animal Health Private LTD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Tilox	Ampicilline, Cloxacillin	Hộp	6 syringes (5 g/syringe)	Phòng và trị các bệnh đường hô hấp	WVI-3
2	Caldee - Forte	Ca, P, Co, Fe^{3+}, Vit D_3, B_{12}, Lipase, Phytase, Xylanase	Chai	500; 1000ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin, khoáng	WVI-4
3	Woktrin	Sulfadiazine, Trimethoprim	Chai	100ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi, viêm ruột, viêm đường tiết niệu, viêm thứ cấp trên gia súc, chó, mèo	WVI-5
4	Meriquin	Enrofloxacin	Chai	50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, sinh sản, viêm tai, viêm mô mềm trên gia súc, gia cầm	WVI-6
5	Norwin injection	Norfloxacin	Chai	50; 100ml	Trị nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Norfloxacin	WVI-7
6	Wolicyclin 10%	Oxytetracycline HCl	Chai	50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline gây ra trên gia súc, gia cầm	WVI-8
7	Beekom-L	Vitamin, B_1, B_2, B_6, B_{12}, Niacinamid, Choline chloride, crude liver extract	Chai	50; 100ml	Trị viêm gan, bỏ ăn, biếng ăn, giảm ngon miệng, suy nhược, viêm da, trên gia súc, gia cầm	WVI-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
8	Caldee-12	Calcium, Vitamin D_3, B_{12}	Chai	30; 100ml	Phòng và trị thiếu canxi, suy nhược, mất sức	WVI-10
9	Woktrin Dispersible Powder	Sulfadiazine, Trimethoprim	Gói, hộp	100; 500g	Trị tiêu chảy, viêm phổi, viêm ruột, viêm đường tiết niệu, viêm thứ cấp trên gia súc, heo, dê, cừu, chó, mèo	WVI-11

7. Công ty Tetragon Chemie PVT. LTD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Notix-CP	Cypermethrin 10%	Lọ, chai	100; 250; 500ml; 1 lít	Kiểm soát ngoại ký sinh trùng ve, ruồi, rận chấy trên trâu, bò, dê, cừu, chó mèo và gà	TETRA-1

8. Công ty Ashish Life Science PVT. LTD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Ashienro 5%	Enrofloxacin	Lọ	15; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, viêm thận do VK nhạy cảm với Enrofloxacin trên chó, mèo, trâu bò, dê, cừu, lợn	ALS-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Ashienro 10%	Enrofloxacin	Lọ	15; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, viêm thận do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên trâu bò, dê, cừu, lợn	ALS-2

BELGIUM

1. Công ty V.M.D.N.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	VMD-Supervitamins	Vit A, D_3, E, C, K_3, B_2, B_6, B_3, B_5, B_{12}, Iode, Mn, Cu, Zn, Fe	Gói, hộp	10; 30; 50; 100g; 1kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin, kích thích tăng trưởng	VMD-1
2	VMD-Oligovit plus	Vitamin A, D_3, E, C, K_3, B_2, B_6, B_3, B_5, B_{12}, H, Methionin, Lysin, Na_2SO_4, $MnSO_4$, $ZnSO_4$, $FeSO_4$, KCL	Gói, hộp	10; 30; 50; 100g; 1kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin, kích thích tăng trưởng	VMD-2
3	VMD-Aminovit	Vitamin A, D_3, E, C, K_3, B_2, B_6, B_3, B_5, Methionin, Lysin	Gói, hộp	10; 30; 50; 100g; 1kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin, kích thích tăng trưởng	VMD-3
4	Tyloveto-S	Tylosin tatrate	Gói, hộp	10; 30; 50; 100g; 1kg	Trị bệnh hô hấp trên bò, cừu, lợn, gia cầm	VMD-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
5	Tyloveto -20	Tylosin tatrate	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Trị bệnh hô hấp trên bò, cừu, lợn, gia cầm	VMD-5
6	Ampiveto-20	Ampicillin trihydrate	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Điều trị bệnh nhiễm trùng đường ruột, hô hấp, tiết niệu, viêm vú,….	VMD-6
7	Gentaveto - 5	Gentamicin sulfate	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Điều trị bệnh nhiễm trùng đường ruột, hô hấp, tiết niệu, viêm vú,….	VMD-7
8	Pen-30	Penicillin G	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Điều trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin gây ra	VMD-8
9	Pen-Strep 20/20	Penicillin, Streptomycin	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin hay Strep-tomycin gây ra	VMD-9
10	Methoxaprim	Trimethoprim, Sulfamethoxazole	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim, Sulfa-methoxazole	VMD-10
11	Pen LA 15/15	Procain penicillin G, Benzathine penicillin G	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin hay Strep-tomycin gây ra	VMD-11
12	Flumeq-50S	Flumequine	Gói, hộp	10; 30; 50; 100g; 1kg	Điều trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine gây ra trên gia cầm, trâu bò	VMD-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
13	Retardoxi-20LA	Oxytetracycline	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Điều trị viêm phổi, viêm phế quản	VMD-13
14	Multivitamin	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_6, C, K_3, PP	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Phòng trị các bệnh do thiếu vitamin	VMD-14
15	Vitamin E + Selenium	Vitamin E, Selenium	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin E và Selenium	VMD-15
16	Ampicillin Trihydrate	Ampicillin trihydrate	Gói, hộp	10; 30; 50; 100g; 1kg	Điều trị bệnh đường hô hấp trên	VMD-16
17	Vitamin AD_3E 50/25/20	Vitamin A, D_3, E	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin	VMD-17
18	Dexaveto-O.2	Dexamethason sodium phosphate	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Kháng viêm, chống dị ứng, stress, sốc	VMD-18
19	Flumeq-10S	Flumequin	Gói, hộp	10; 30; 50; 100g; 1kg	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine gây ra trên gia cầm, trâu bò	VMD-19
20	Oxytetracycline-10	Oxytetracycline	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, dạ dày ruột, viêm tử cung, viêm vú,…	VMD-20
21	Diminaveto	Diminazene aceturate, antipurine	Gói	2,36; 23,6g	Phòng, trị ký sinh trùng đường máu	VMD-21
22	CTC-Oblets	Chlotetracycline	Hộp	100 viên	Phòng và trị viêm tử cung	VMD-22
23	Amoxytveto-15S	Amoxycillin	Gói, hộp	10; 30; 50; 100g; 1kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp	VMD-23

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
24	Coliveto-1000	Colistin sulfate	Gói, hộp	10; 30; 50; 100g; 1kg	Trị viêm ruột, Ecoli, thương hàn, bạch lỵ ở gia cầm	VMD-24
25	Doxyveto-50S	Doxycycline sulfate	Gói, hộp	10; 30; 50; 100g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn Gr (-) và Gr (+) gây ra	VMD-25
26	Oxytetracycline Spray Blue	Oxytetracycline	Chai	200ml	Trị viêm đường hô hấp, dạ dày ruột, viêm tử cung, viêm vú	VMD-26
27	Fenylbutazon-20	Phenylbutazon	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Điều trị viêm khớp, viêm cơ, viêm gân, viêm dây chằng tử cung	VMD-27
28	Amprolium-20S	Amprolium	Gói, hộp	10; 30; 50; 100g; 1kg	Phòng, trị cầu trùng ở gia cầm, cừu, dê và bê	VMD-28
29	L-Spec 5/10	Licomycin, Spectomycin	Lọ	10; 30; 50; 100ml	Trị bệnh do Mycoplasma gây ra, viêm khớp, viêm phổi	VMD-29
30	L-Spec 100S	Licomycin, Spectomycin	Gói, hộp	20; 30; 50; 100g; 150g; 1.5kg	Điều trị bệnh do Mycoplasma gây ra, viêm khớp, viêm phổi	VMD-30
31	Polydry	Benzathine cloxacillin, Neomycin	Ống bơm	9g	Phòng và trị viêm vú	VMD-31
32	Diaziprim 48%S	Trimethoprim, Sulfadiazine sodium	Gói, hộp	10; 30; 50; 100g; 1kg	Điều trị viêm dạ dày ruột, viêm đường hô hấp, tiết niệu	VMD-32
33	XYL-M2	Xylazini hydrochloridium	Lọ	25; 50; 100ml	Giúp an thần trong vận chuyển, đóng móng, cưa sừng, tiền gây mê	VMD-33

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
34	Polymast	Colistin, Oleandomycin	Gói	10g	Điều trị viêm vú	VMD-35
35	Myogaster-E	Vitamin E, Selenium	Chai, bình	50; 100; 500; 1 lít	Bổ sung Vitamin E, Selenium	VMD-36
36	Amoxyveto-15	Amoxycilin trihydrate	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml ; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, viêm vú trên trâu, bò, ngựa, heo, cừu	VMD-40
37	Amoxyveto-50S	Amoxycilin trihydrate	Gói	100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày ruột, tiết niệu, da trên heo, bê, gia cầm	VMD-41
38	Coliveto-4800 S	Colistin sulfate	Gói	20; 30; 50; 100g; 1kg	Trị viêm dạ dày ruột trên bê, cừu, thỏ, gia cầm	VMD-42
39	Florattaq - 10	Florfenicol	Chai	100ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra trên lợn	VMD-43
40	IverVeto - 0,2 premix	Ivermectin	Bao	1; 5; 10; 25 kg	Phòng trị nội, ngoại ký sinh trùng	VMD-44
41	IVERVETo - 1	Ivermectin	Chai	50; 100; 250ml	Phòng trị nội, ngoại ký sinh trùng	VMD-45
42	Univerm total	Praziquantel	Hộp, lọ	20 viên/hộp; 200 viên/lọ	Trị sán dây, giun tròn trên chó	VMD-46

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
43	V.M.D - Tiamulin 10% premix	Tiamulin hydrogen fumarate	Bao	1; 10; 25 kg	Trị bệnh hô hấp	VMD-47
44	V.M.D - Tiamulin 50 S	Tiamulin hydrogen fumarate	Chai	100; 500g	Trị bệnh hô hấp	VMD-48

2. Công ty Kela Laboratoria N.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Oxy - Kel 10 Inj	Oxytetracycline HCl	Lọ	100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, dạ dày ruột, sinh dục, nhiễm trùng da, viêm phổi	KELA-1
2	Oligovit Inj	Vit A, B_1, B_2, B_6, B_{12}, D_3, E, PP, Mg, Co, Zn, Mn, DL Methionin	Lọ	100ml	Trị các bệnh về stress, hồi phục bệnh do nhiễm trùng, tăng trưởng chậm	KELA-2
3	Phenoxyl L.A. 20%	Oxytetracycline L.A	Lọ	25; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm vú, viêm tử cung,…	KELA-3
4	Ampitras 20%	Ampicillin	Lọ	25; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng máu, viêm tai giữa, viêm đa khớp, viêm tử cung, tiêu hóa, bệnh viêm phổi	KELA-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
5	Combistress	Acepromazine maleate, Natri methylis, natri methabisulfis, paraydroxybenzoas	Lọ	25; 50; 100; 250ml	Phòng và trị triệu chứng nôn mửa do vận chuyển; làm thuốc tiền mê	KELA-5
6	Tylosine 20%	Tylosin tartrate	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, bệnh do Mycoplasma	KELA-6
7	Pendistrep L.A.	Penicillin, Streptomycin	Lọ	25; 50; 100, 250ml	Trị viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, nhiễm trùng máu, áp xe, bệnh đường tiết niệu	KELA-7
8	Vitamine B- complex Hepatis Extractum	Vitamin nhóm B, Hepatis extractum	Lọ	25; 50; 100, 250ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin nhóm B	KELA-8

3. Công ty Janssen Pharmaceutica N.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Flubenol 5%	Flubendazole	Bao thùng	100; 500; 600g; 1; 6; 12; 25; 50kg	Trị các bệnh giun sán trên gia súc, gia cầm	JSPB-3

4. Công ty Taminco NV

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Choline Chloride 50% on silica carrier	Choline chloride	Bao	25kg	Bổ sung Choline chloride	UCB-4
2	Choline Chloride 75% aqueous solution	Choline chloride	Thùng	221 lít	Bổ sung Choline chloride	UCB-5

5. Công ty Sanico NV

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Solubenol	Flubendazole	Hộp, túi	20; 100; 500g	Trị các bệnh giun sán trên lợn, gia cầm	SNV-1

BANGLADESH

1. Công ty Renata Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Doxivet Powder	Doxycycline	Gói	100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, heo, gia cầm	RLB-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	Renamycin Soluble Powder	Oxytetracycline	Gói	100g; 1kg	Trị viêm màng hoạt dịch truyền nhiễm, bệnh cầu trùng viêm ruột trên bê, lợn, dê, cừu, gia cầm	RLB-2
3	Cal-D-Mag	Calcium, Magnesium, Chlorocresol, Boric acid	Chai	200ml	Trị giảm canxi, Magiê, gluco trong máu, chứng co giật, Ketosis, hỗ trợ diệt giun sán	RLB-3
4	Catophos vet injection	Butaphosphan, Cyanocobalamin	Chai	10; 30; 100ml	Trị rối loạn chức năng trao đổi chất, hỗ trợ sinh sản, bồi bổ cơ thể do làm việc quá sức, kiệt sức, tăng cơ bắp và sức	RLB-4
5	Renaquine 10% Powder vet	Flumequine	Gói	100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp và tiết niệu trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, gia cầm	RLB-5
6	Renamox 15% vet	Amoxicillin	Gói	100g; 1kg	Trị sổ mũi truyền nhiễm, THT, viêm ruột hoại tử, thương hàn trên bê, nghé, heo, gia cầm	RLB-6
7	Remulin 45% Powder vet	Tiamulin	Gói	20; 100g; 1kg	Trị hô hấp mãn tính trên lợn, gia cầm	RLB-7
8	Enrocin Oral solution	Enrofloxacin	Chai	100ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột, nhiễm trùng đường sinh dục trên bê, nghé, lợn, gia cầm	RLB-8

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
9	Rena B + C Premix	Thiamine, Vit B_2, C Calcium-D Pantothenate, Pyridoxine, Vit B_{12}, Nicotinamide, Folic acid, D-Biotin	Gói	100g; 1kg	Tăng cường chức năng miễn dịch, thúc đẩy sự phát triển hệ thần kinh	RLB-9

CANNADA

1. Công ty Interfeed

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitaject-6 Solution	Vitamin A, E	Thùng	200 lít	Phòng và trị các bệnh do thiếu Vitamin A, E	ITF-1
2	Optimal Vita-Elec. Plus	Multi vitamin + Electrolyte	Gói, thùng Bao	5kg, 10kg 25kg	Thuốc bổ cho gia súc, gia cầm	ITF-2
3	Optimal Vita-Elec 16	Vitamin + Electrolyte	Gói, thùng	5kg, 10k, 25kg	Thuốc bổ cho gia súc, gia cầm	ITF-3
4	Optimal Vita-Elec 18	Multi vitamin + Electrolyte	Gói, thùng	5kg, 10, 25kg	Thuốc bổ cho gia súc, gia cầm	ITF-4

EGYPT

1. Công ty ADWIA

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Lincospectoject	Lincomycin HCl, Spectinomycin	Chai	10; 50; 100ml	Trị bệnh suyễn lợn, viêm khớp	ADWIA-3
2	Enrotryl Oral Solution	Enrofloxacin	Chai	100; 500ml, 1 lít	Trị các bệnh nhiễm khuẩn Gr(-), Gr(+)	ADWIA-4
3	Doxycycline - C	Doxycycline hyclate Colistin sulphate	Gói, hộp	50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh hen gà, suyễn lợn và các bệnh tiêu chảy	ADWIA-5

HUNGARY

1. Công ty Biogal Pharmaceutical Works

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Neo-Te-Sol	Oxytetracyclin chloride, Neomycin sulphate	Gói	50; 250; 1000g	Phòng và trị các bệnh đường ruột và đường hô hấp ở gia súc	BIOG-01

IRELAND

1. Công ty Franklin

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Ampicillin 10% Inj	Ampicillin	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gr(-), Gr(+)	FK-1
2	Ampicillin Inj	Ampicillin	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh gây ra do vi khuẩn Gr(-), Gr(+)	FK-2
3	Amoxycol 10-250 Inj	Amoxyllin	Chai	100ml	Viêm dạ dày - ruột, phù đầu, E-coli, thương hàn	FK-3
4	Ampi-Coli Inj	Ampicillin, Colistin	Chai	100ml	Viêm ruột, nhiễm trùng hô hấp, viêm khớp, viêm tử cung,..	FK-4
5	Francotrim Inj	Sulfa, Trimethoprim	Chai	100ml	Tác dụng với vi khuẩn Gr(-), Gr(+)	FK-7
6	Oxytetracycline 10% Inj	Oxytetracyclin	Chai	100ml	Điều trị viêm ruột, tiêu chảy, kiết lỵ, phó thương hàn	FK-8
7	Penstrep 20/20 Inj	Penicillin, Streptomycin	Chai	100ml	Điều trị viêm ruột, nhiễm trùng hô hấp, viêm khớp, viêm tử cung,...	FK-9
8	Becoject Inj	Vitamin nhóm B	Chai	100ml	Cung cấp các vitamin nhóm B	FK-10
9	Ferropen 100 Inj	Iron Dextran	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh thiếu sắt ở heo con	FK-11
10	Levaject 10% Inj	Levamisole	Chai	100ml	Trị giun	FK-12
11	Genta Pig Pump Inj	Gentamicin	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn Gr(-)	FK-13

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
12	Vitamin AD_3E Fort Inj	Vitamin A, D, E	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin	FK-14
13	Dexaject Inj	Dexamethason	Chai	100ml	Kháng viêm, chống nhiễm trùng	FK-15
14	Multivitamin Inj	Vitamin tổng hợp	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin, rối loạn tiêu hóa, suy nhược	FK-16
15	Gentaflum 5% Inj	Gentamicin	Chai	100ml	Phòng, trị các bệnh gây ra bởi vi khuẩn Gr(-)	FK-17
16	Vitol Fort Inj	Vitamins	Chai	100ml	Ngừa stress, cung cấp vitamin	FK-18
17	Amino Vitasol bột	Vitamin tổng hợp	Hộp	1; 100kg	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin, rối loạn tiêu hóa, suy nhược	FK-19
18	Vitasol Liquid dung dịch uống	Vitamin tổng hợp	Chai	100ml; 1 lít	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin, rối loạn tiêu hóa, suy nhược	FK-20
19	Tiamulin 10% Inj	Tiamulin	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng do Mycoplasma, hồng lỵ	FK-22
20	Tiamulin 25% Inj	Tiamulin	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng do Mycoplasma, hồng lỵ	FK-23
21	Tiamulin 100 WSP	Tiamulin	Gói	100g	Trị nhiễm trùng do Mycoplasma, hồng lỵ	FK-24
22	Vitaminal Dung dịch uống	Vitamin tổng hợp	Chai	100ml; 1 lít	Bổ sung vitamin, đặc biệt trong giai đoạn stress, duy trì nhu cầu dinh dưỡng	FK-25
23	Gentaject F Inj	Gentamicin	Chai	100ml	Trị các bệnh gây ra bởi vi khuẩn Gr(-)	FK-26
24	Kanaject 10% Inj	Kanamycin	Chai	100ml	Trị viêm khớp, viêm phổi, nhiễm trùng huyết	FK-27

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
25	Kanaject 20% Inj	Kanamycin	Chai	100ml	Trị viêm khớp, viêm phổi, nhiễm trùng huyết	FK-28
26	Oxytocin S Inj	Oxytetracyclin	Chai	100ml	Trị viêm ruột, tiêu chảy, kiết lỵ, PTH	FK-29
27	Tylosin 10% Inj	Tylosin	Chai	100ml	Trị các bệnh đường hô hấp, hồng lỵ	FK-30
28	Tylosin 20% Inj	Tylosin	Chai	100ml	Trị các bệnh đường hô hấp, hồng lỵ	FK-31
29	TSO Suspension	Trimethoprim, Sulfamethosazole	Chai	200; 500ml	Điều trị bệnh do vi khuẩn Gr(-), Gr(+)	FK-32
30	Eryject C Inj	Erythromycin	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp, tiết niệu	FK-34
31	Doxysol C WSP	Doxycillin	Gói	100g; 1kg	Trị CRD E.coli, Shigella, Samonella, Mycoplasma	FK-35
32	Lincoject S Inj	Lincomycin	Chai	100ml	Trị bệnh do staphylococci, Strepto-cocci, Erysipelothrix, Mycoplasma	FK-36
33	Lincocol WS	Lincomycin	Gói	100g; 1kg	Trị các bệnh do Staphylococci, Strep-tococci, Erysipelothrix, Mycoplasma	FK-37
34	Amprolium 20% Powder	Amprolium	Gói	100g; 1kg	Phòng và trị cầu trùng	FK-42
35	Flumed 100	Flumequine	Gói	100g; 1kg	Trị các bệnh do vi khuẩn Gr(-), đặc biệt E-coli, Salmonella	FK-44
36	Entsol 20% Oral Liquid	Flumequine	Chai	200; 500ml; 1 lít	Trị các bệnh do vi khuẩn Gr(-), đặc biệt là E-coli, Salmonella	FK-45

2. Công ty Norbrook

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Duracycline	Oxytetracycline	Chai	50; 100ml	Chống nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	NBR-1
2	Amoxisol LA	Amoxcylin	Chai	50; 100ml	Chống nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	NBR-2
3	Bavitsole combivit	Vit B_1, B_2, B_6, C, PP	Chai	50; 100; 250ml	Bổ sung vitamin	NBR-3
4	Trisuprime	Trimethoprim, Sulphadiazine	Chai	20; 50; 100; 250ml	Chống nhiễm khuẩn trên gia súc	NBR-4
5	Duranixin LA	Oxytetracycline, Flunixin	Chai	100ml	Trị viêm đường hô hấp và các nhiễm trùng khác trên trâu, bò, heo, dê, cừu	NBR-6
6	Alamycin LA 300	Oxytreacycline	Chai	100 ml	Trị viêm phổi, viêm teo mũi, viêm khớp, viêm rốn, viêm vú bò, đỏ mắt ở cừu	NBR-7

3. Công ty Univet

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Gentadox 10/8 Powder	Doxycyclin hydrochloride, Gentamicin sulphate	Gói, hộp	100g; 1; 5kg	Điều trị CRD, Colibacillosis, Staphylococciosis	UNIVET-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Pentomycin	Procaine Penicillin G, Dihydrostreptomycin	Chai	50; 100ml	Điều trị bệnh do vi khuẩn nhậy cảm với Penicillin và Streptomycin	UNIVET-2
3	Trioxyl LA	Amoxycillin trihydrate	Chai	50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa,	UNIVET-3
4	Multivit Injection	Vitamin A, D_3, E, nhóm B	Chai	50; 100; 250ml	Bổ sung vitamin	UNIVET-4
5	Vitamin A, D_3 & E Oral Liquid	Vitamin A, D_3, E	Chai	100; 250; 500; 1000ml	Bổ sung vitamin	UNIVET-5

SCOTLAND

1. Công ty Kilco International

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Liqavite	Vitamin A, D_3, E, K, B_2, B_6, B_{12}, nicotinic, pantothenic acid, Zn, Mn, Mg, Cu, lysin, methionin	Can, thùng	1; 5; 10; 20; 25; 50; 200 lít	Cung cấp, phòng và trị bệnh do thiếu vitamin, khoáng và axit amin	KILCO-1

TAIWAN

1. Công ty China Chemical & Pharmaceutical

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Penimycin - S Inj	Penimycin	Lọ	20; 100ml	Phòng, trị bệnh do vi khuẩn Gr(+) gây ra	CCP-4

2. Công ty Ruey Shyon Pharmaceutical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Gapozin Inj	Cephalothin	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh viêm phổi, viêm tử cung, hô hấp mãn tính ở gia cầm	RSPT-1
2	Cephalothin Inj	Cephalexin soluble	Gói	100; 1000g	Phòng và trị bệnh đóng dấu son, viêm não tủy, tụ huyết trùng	RSPT-2
3	Cephalexin Soluble Powder	Kanamycin sulfate	Gói Chai	10g 100ml	Phòng và trị bệnh đóng dấu son, viêm não tủy, tụ huyết trùng	RSPT-3
4	Kanamycin Inj	Ampicillin sodium	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh viêm phổi, nhiễm trùng hô hấp	RSPT-4
5	Penbritin Inj	Lincomycin HCl Spectinomycin HCl	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh viêm phổi, sốt	RSPT-6

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6	Spectlincomycin Inj	Lincomycin HCl Spectinomycin HCl	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh đóng dấu son, viêm não tủy, tụ huyết trùng, sưng phổi	RSPT-7
7	Tylosin Inj	Tylosin tartrate	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh đường hô hấp	RSPT-8

3. Công ty Hung Chang Pharmaceutical Ltd

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Lincospemycin	Lincomycin HCl, Spectinomycin HCl	Chai	20; 100ml	Trị viêm phổi, ho, viêm ruột, tiêu chảy, viêm tử cung, viêm vú, viêm khớp, CRD trên trâu, bò, cừu, heo, gà	HCP-1
2	Fersmin H.C	Iron dextran, Cyanocobalamin	Chai	20; 100ml	Phòng và trị chứng thiếu sắt trên heo, dê, trâu, bò	HCP-2
3	Menazole	Mebendazole	Túi	25; 100g; 1kg	Trị giun, sán trên lợn, gà	HCP-3
4	Lincospemycin 110	Lincomycin HCl, Spectinomycin HCl	Túi	25; 100g; 1kg	Phòng và trị nhiễm trùng đường ruột, viêm phổi, tiêu chảy trên heo, gà	HCP-4
5	Lincocin - 300	Lincomycin HCl,	Chai	20; 100ml	Trị viêm phổi, ho, viêm ruột, tiêu chảy, viêm tử cung, viêm vú, viêm khớp, CRD trên trâu, bò, cừu, heo, gà	HCP-5

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6	Uterumone	Estradiol benzoate	Chai	20ml	Trị các chứng bệnh của tử cung, buồng trứng, tăng khả năng động dục trên bò, ngựa, heo, chó, dê, gà, vịt	HCP-6
7	Fumilin-75	Flumequin	Chai	20; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu chảy, thương hàn trên trâu, bò, dê, cừu, chó, mèo, heo, gà, vịt	HCP-7

4. Công ty Kashin Medicines Co.,Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Florted 20 powder	Florfenicol	Bao	200g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra cho gia súc, gia cầm	KCPT- 6
2	Florted Oral Solution 10%	Florfenicol	Chai	100; 500ml; 1; 5 lít	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra cho gia súc, gia cầm	KMC-1
3	Tiamulin Powder 20%	Tiamulin hydrogen fumarate	Bao	1; 10; 25 Kg	Heo: Trị hồng lỵ Brachyspira hyodysenteriae, kết hợp với Fusobacterium và bacteroides spp., bệnh viêm phổi. Gia cầm: Trị bệnh do Mycoplasma spp gây ra	KCPT- 12
4	Oxy-200	Oxytetracycline	Bao	1; 5; 10; 25 Kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp, viêm khớp trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	KMC-2

GERMANY

1. Công ty Bayer Healthcare AG (BAYER AG)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Baytril 5%	Enrofloxacin	Chai	50; 100ml	Chống nhiễm khuẩn	Germany, USA	BYA-1
2	Rintal 10%	Febantel	Gói	7,5; 15; 25; 100; 500g	Phòng và trị giun, sán	Germany	BYA-2
3	Asuntol 50	Coumaphos	Gói	10g; 100g; 1kg	Trị ký sinh trùng	Germany	BYA-3
4	Negasunt	Coumaphos, Propoxur, Sulphanilamide	Gói	20g; 100g; 1kg	Chống nhiễm khuẩn	Germany	BYA-5
5	Bayticol 6% EC	Flumethrin	Chai	10; 20,50, 100; 500, 1000ml; 50l	Phòng, trị ký sinh trùng	Germany, Nam Phi	BYA-6
6	Sebacil Pour On	Phoxim	Chai Thùng	10; 20; 50; 60; 100; 250; 500ml 1; 2,5; 5; 50; 190 lít	Phòng và chống ký sinh trùng	Germany	BYA-12
7	Sebacil EC 50%	Phoxim	Chai Thùng	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít; 2,5; 5; 10; 180; 200; 250 lít	Trị mạt trên gà đẻ và gà giống	Germany	BYA-15
8	Baycox 5% Suspension	Toltrazuril	Lọ Chai	20; 50; 100ml 200; 250; 500; 1000ml	Phòng và trị cầu trùng trên heo, bê, nghé	Germany	BYA-19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
9	Baytril 10% Oral. Sol	Enrofloxacin	Lọ Chai	10; 20; 50; 100ml 500; 1000ml	Chống nhiễm khuẩn	USA Thailand, Germany, Korea	BE-2
10	Baytril 0,5% Oral. Sol	Enrofloxacin	Chai	20, 100ml	Trị tiêu chảy và chống nhiễm trùng	Thailand; Korea	BE-3
11	Rintal Bolus 600mg	Febantel	Gói Hộp	1 viên 50 viên	Phòng và trị bệnh giun, sán	Bayer Thai Thailand	BE-4
12	Catosal 10% Inj. Sol	Vit B_{12}; Methyl Hydroxybenzoate, phosphonous acid 1-(n-Butylamino)-1-methylethyl	Chai	10; 20ml; 100ml	Cung cấp vitamin, P hữu cơ kích thích sự biến dưỡng	Bayer Thailand, Korea	BE-5
13	Baycox 2,5% Oral. Sol	Toltrazuril	Chai	10; 20; 50; 100ml 500; 1000ml	Phòng và trị bệnh cầu trùng	Bayer Korea Thailand	BE-6
14	Bayrena 20% Inj Sol	Sulphamethoxy-diazine	Chai	20; 100ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn	Thailand	BE-7
15	Baytril 2,5%	Enrofloxacin	Chai	10; 20, 50ml 100, 500ml	Điều trị các bệnh CRD, viêm phổi, màng phổi	Bayer Korea Vetchem	BYVK-02

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
16	Calphon - Forte	Calcium gluconate; Calcium glucoheptonate; Calcium-dsaccharate; Boric acid, Butaphosphan	Chai	25; 50; 100 ml 200; 250; 500ml 1000ml	Cung cấp Ca và P	Bayer Vetchem Korea	BYVK-03
17	Vigantol E	Vitamin A; D_3; E	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin A, D, E	Bayer Vetchem Korea	BYVK-05
18	Prolongal	Iron-Dextran	Chai	10; 20; 50, 100ml 500ml	Phòng và trị bệnh thiếu sắt	Bayer Vetchem Korea	BYVK-06
19	Sebacil Pour-on	Phoxim	Chai Thùng	500ml; 1 lít 5; 10; 18 lít	Trị ghẻ trên heo	Bayer Vetchem Korea	BYVK-07
20	Bayvarol Strips	Flumethrin	Hộp	5 gói (4 dải/gói)	Chẩn đoán và điều trị bệnh chí (Varroa Jacob-soni) ở ong mật	Germany	BYA-22
21	Baytril max	Enrofloxacin 10%	Chai	20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp cho trâu, bò, heo, cừu	Germany, USA	BYA-23

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
22	Drontal flavour plus	Febantel, Pyrantel, Praziquantel	Viên	766; 2716mg	Thuốc xổ giun sán trên chó	Germany	BYA-24

2. Công ty Bremer Pharma GMBH

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Ferrum 10% Inj	Ion (III)-dextran complex	Chai	100ml	Phòng, trị thiếu sắt trên heo con, bê, thú mới đẻ. Thiếu máu do ngoại ký sinh trùng	BM-1
2	Ferrum 10% + B_{12} Inj	Ion (III)-dextran complex, vitamin B_{12}	Chai	100ml	Phòng, trị thiếu sắt trên heo con, bê, thú mới đẻ. Thiếu máu do ngoại ký sinh trùng	BM-2
3	Multivit Inj	Vitamin A, D, E, nhóm B	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin	BM-3
4	Hefrotrim 48%	Sulfadimidine, Trimethoprim	Chai	200; 500ml; 1 lít	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp	BM-5
5	Vitamin E + Selenium	Vitamin E, Selenium	Chai	100ml	Tăng khả năng sinh sản	BM-6
6	Super Coc		Chai	100ml	Trị cầu trùng gia cầm	BM-8
7	Tylosin-Prednicol Inj	Tylosin	Chai	100ml	Trị bệnh hô hấp	BM-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
8	Sanolin Inj	Licomycin	Chai	100ml	Trị bệnh hô hấp và viêm khớp	BM-11
9	Flumequin 10%	Flumequin	Gói, bao	100g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa	BM-12
10	Amoxinject 15%	Amoxicillin	Chai	100ml	Điều trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin	BM-13
11	Amoxinject LA	Amoxicillin	Chai	100ml	Điều trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin	BM-14

3. Công ty Basf Aktiengesellschaft

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Lutavit A 500 Plus	Vitamin A	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin A	Đức, Trung Quốc	BASF -1
2	Lutavit A 500 S	Vitamin A	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin A	Đức, Trung Quốc	BASF -2
3	Lutavit A/D_3 500/100 Plus	Vitamin A/D_3	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin A/D_3	Đức, Trung Quốc	BASF -3
4	Lutavit D_3 500	Vitamin D3	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin D_3	Đức, Trung Quốc	BASF -4
5	Lutavit E 50	Vitamin E	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin E	Đức, Trung Quốc	BASF -5
6	Lutavit E 50 S	Vitamin E	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin E	Đức, Trung Quốc	BASF -6
7	Lutavit K_3 MSB	Vitamin K_3	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin K_3	Đức, Ý, Uruguay	BASF -7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
8	Lutavit B_1 Mononitrate	Vitamin B_1 Mononitrate	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin B_1 Mononitrate	Đức, Nhật, Trung Quốc	BASF -8
9	Lutavit B_1 Hydrochloride	Vitamin B_1 HCl	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin B_1	Đức, Nhật, T Quốc	BASF -9
10	Lutavit B_2 SG 80	Vitamin B_2	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin B_2	Đức, Nhật, Trung Quốc, Hàn Quốc	BASF -10
11	Lutavit B_6	Vitamin B_6	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin B_6	Đức, Nhật, T. Quốc	BASF -11
12	Lutavit B_{12} 1%	Vitamin B_{12}	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin B_{12}	Đức, Nhật, Trung Quốc, Ấn Độ	BASF -12
13	Lutavit H_2	Vitamin H_2	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin H_2	Đức, Đan Mạch, T. Quốc, Thái lan. Malaysia	BASF -13
14	Lutavit Folic acid	Folic acid	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Folic acid	Đức, Nhật, T. Quốc,	BASF-14
15	Lutavit Calpan	Vitamin B_5	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin B_5	Đức, Nhật, T. Quốc	BASF-15
16	Lutavit Niacin	Vitamin, Niacin	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin Niacin	Đức, Thụy sĩ, Trung Quốc	BASF-16
17	Ascorbic Acid Fine Granular/ Regular Powder	Vitamin C	Bao	1; 5; 10; 20; 25; 50kg	Bổ sung Vitamin C	Đan Mạch, Trung Quốc, Nhật	BASF-19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
18	Lutavit C Monophos-phate 35	Vitamin C monophosphate	Bao	1; 5; 10; 20; 25; 50kg	Bổ sung Vitamin C monophosphate	Đức, Nhật, Trung Quốc	BASF-20
19	Labhidro ADE 500F	Vitamin A, D_3, E	Chai	5; 100ml; , 200l	Bổ sung Vit A, D_3, E	Spain	BASF-29
20	Erytrom-2000	Vitamin E	Chai	50ml	Bổ sung Vitamin E	Spain	BASF-30
21	Feradid	Elementary iron, B_6, B_{12}, Co. Cu	Chai	100ml, 200l	Bổ sung sắt, B_6, B_{12}, Co. Cu	Spain	BASF-31
22	Lutavit D_3 500 S	Vitamin D_3	Bao	1; 5; 20,25kg	Bổ sung Vitamin D_3	Đức, T.Quốc, Nhật	BASF-33
23	Vitamin D_3 1.0 Mill IU/g	Vitamin D_3	Chai	1; 5; 25kg	Bổ sung Vitamin D_3	Đức, Đan Mach, Nhật	BASF-34
24	Nicotinamide USP (Niacinamide USP)	Nicotinamide	Bao	1; 5,20; 25kg	Bổ sung Nicotinamide	Mỹ, Đức, Trung Quốc, Nhật	BASF-35
25	Vitamin A Palmitate Oily 1.0 mio I.E/g	Vitamin A	Chai	1; 5; 25kg	Bổ sung Vitamin A	Đức, Đan Mạch, Nhật	BASF-36
26	Vitamin E Acetate	Vitamin E	Chai	1; 5; 25, 50kg	Bổ sung Vitamin E	Đức, Đan Mạch, Nhật	BASF-37
27	Lutavit K_3 MNB	Vitamin K_3	Bao	1; 5; 20,25kg	Bổ sung Vitamin K_3	Đức, Trung Quốc, Ý, Nhật	BASF-38

4. Công ty Degussa huls AG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	L-Threonine	L-Threonine	Bao	25kg	Bổ sung acid amin cần thiết	Đức	DGSG-1
2	Nicotinamide Feed grade (Vit B_3)	Vitamin B_3	Bao	25kg	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin B_3	Đức	DGSG-2
3	Calcium formate	Calcium	Bao	25kg	Phòng và trị bệnh do thiếu calci	Đức	DGSG-3
4	Biolys 60		Bao, kiện	25kg; 1000kg		Đức	DGSG-4
5	DL. Methionie Feed Grade	DL. Methionie	Bao, kiện	25kg; 750; 1000kg	Bổ sung acid amin cần thiết	Bỉ, Mỹ	DAB-5

5. Công ty Lohmann Animal Health

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Cuxavit B_1 Mononitrate	Vitamin B_1	Bao	25kg	Bổ sung vitamin B_1	LAH-01
2	Cuxavit B_{12}	Vitamin B_{12}	Bao	25kg	Bổ sung vitamin B_{12}	LAH-02
3	Cuxavit K_3 MSB	Vitamin K_3	Bao	25kg	Bổ sung vitamin K_3	LAH-03
4	Cuxavit Folsaure (Folic acid)	Vitamin B_4	Bao	10; 25kg	Bổ sung vitamin	LAH-04

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
5	Cuxavit C	Vitamin C	Bao	25kg	Bổ sung vitamin C	LAH-05
6	Cuxavit B_2 80%	Vitamin B_2	Bao	20kg	Bổ sung vitamin B_2	LAH-06
7	Cuxavit B_6	Vitamin B_6	Bao	25kg	Bổ sung vitamin B_6	LAH-07
8	Cuxavit calpan 98%	Vitamin B_5	Bao	25kg	Bổ sung vitamin B_5	LAH-08
9	Cuxavit biotin 2%	Vitamin B_4	Bao	25kg	Bổ sung vitamin B_4	LAH-09

6. Công ty Miavit- Niemeyer GmbH & Co.KG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Miamix	Vitamin A, D_3, E, K_3, B_1, B_6, B_2, C, polyphosphate, Lysin, Niacin, Sắt, Đồng, Kẽm, Mangan, Methionin, Choline chloride	Bao	1; 25; 50 kg	Phòng, trị bệnh do thiếu Vitamin, Acid Amin thiết yếu và các khoáng chất, tăng sức đề kháng, giảm bệnh tật, giảm tỷ lệ chết, chống stress cho gia súc, gia cầm	MVI-1

7. Công ty Rotex Medica GMBH

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitamin B - Complex Inj	Vitamin nhóm B (B_1, B_6)	Lọ	10; 50; 100ml	Bổ sung vitamin	RTM-1

8. Công ty Kaimight Chemical And Pharmaceutical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Florfenicol P -10	Florfenicol	Bao	20kg	Điều trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	KCPT-1
2	Valosin - 50	Acetyliso valeryl tylosin tartrate	Chai	1kg	Điều trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	KCPT-2
3	Bitylin - 66	Tylosin tartrate	Bao, gói	750g	Trị nhiễm trùng do M. galisepticum, bệnh hô hấp mãn tính (CRD), viêm màng khớp nhiễm trùng	KCPT- 3
4	Cephalexin 150	Cephalexin monohydrat	Bao, gói	1kg	Kháng sinh có phổ kháng khuẩn rộng đối với vi khuẩn Gr(+) và Gr(-)	KCPT- 4
5	Ivermectin 0,6%	Ivermectin	Bao, gói	333 g; 5 kg	Trị ngoại và nội ký sinh trùng trên heo	KCPT- 5
6	Florfenicol-20	Florfenicol	Bao	2; 20kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra cho gia súc, gia cầm	KCPT- 7
7	Biconex-100	Lincomycin HCl, Spectinomycin sulfate	Túi, lon	150g; 750g	Trị viêm ruột, bệnh lỵ, viêm khớp, viêm phổi trên lợn; trị CRD, viêm túi khí trên gà	KCPT- 8
8	Bifinex-400	Lincomycin HCl	Bao	1kg	Trị lỵ trên heo, viêm ruột hoại tử trên gà	KCPT- 9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
9	Oxytec-500	Oxytetracycline	Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Trị viêm phổi, viêm teo mũi, viêm ruột trên heo, gà	KCPT- 10
10	Tilmicosin 200	Tilmicosin	Bao	1kg	Trị viêm phổi do Actinobacillus, Pleuropneumoniae, M.hyopneumoniae, P.multocida trên heo	KCPT- 11

HÀ LAN (NEITHERLAND)

1. Công ty Akzonobel Chemicals B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Choline Chloride	Choline chloride	Bao	25kg	Bổ sung Choline chloride	ANC-1
2	Choline Chloride 5% on silica carrier	Choline chloride	Bao	25kg	Bổ sung Choline chloride	ANC-2
3	Choline Chloride 50% on veretabl	Choline chloride	Bao	25kg	Bổ sung Choline chloride	ANC-3

2. Công ty Dutchfarm Veterinary Pharmaceuticals B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Trim/Sul D 40/200 Inj	Trimetoprim Sulfamethoxazol	Chai	50; 100 ml	Phòng, trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfamethoxazol	DUTCH-3
2	Trim/Sul M 40/200 Inj	Trimetoprim Sulfadoxine	Chai	50; 100 ml	Phòng, trị các bịnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadoxine	DUTCH-4
3	Thiamphenicol Oral 10%	Thiamphenicol	Chai, bình	50; 100 ml 1000ml, 25 lít	Phòng, trị các bệnh do vi khuẩn Gr(+), Gr (-) và vi khuẩn nhạy cảm với Thiamphenicol	DUTCH-5
4	Colistin 4800W.S.P	Colistin sulfate	Gói, lọ	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày ruột do vi khuẩn mẫn cảm với Colistin gây ra như colibacillosis và salmonellosis	DUTCH-6
5	Dufafloxacin 10% inj	Enrofloxacin	Lọ	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp và dạ dày ruột, nhiễm khuẩn thứ phát do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên trâu, bò, lợn	DUTCH-7
6	Dufafloxacin 10% oral	Enrofloxacin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp và dạ dày ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên gia cầm	DUTCH-8
7	Dufamox 15% LA. Inj	Amoxicillin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp và dạ dày ruột gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin trên trâu, bò, lợn	DUTCH-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
8	Oxytetracyclin 20% LA Inj	Oxytetracyclin	Lọ	100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, viêm tử cung, viêm vú, viêm xoang, viêm ống tiết niệu, sốt ngã nước, thối móng và áp xe gan trên trâu, bò, lợn, cừu	DUTCH-10
9	Tylo-dox Plus W.S.P.	Doxycycline hyclate; Tylosin tartrate	Gói, lọ	100; 500g; 1kg	Trị viêm dạ dày ruột, nhiễm trùng đường hô hấp do vi khuẩn mẫn cảm với Tylosin và Doxycycline gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm	DUTCH-11
10	Dufamox-G 150/40 Inj	Amoxicillin, Gentamycin	Chai	100; 500ml; 1 lít	Trị viêm phổi, viêm ruột, viêm vú, viêm tử cung, nhiễm trùng niệu đạo, tụ huyết trùng, colibacillosis và áp xe	DUTCH-12
11	Dufamec 1% Inj	Ivermectin	Chai	50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nội, ngoại kí sinh trùng ở trâu, bò, lợn, cừu, chó, mèo	DUTCH-13
12	Dufanor 20% Oral	Norfloxacin	Chai	100; 500ml; 1 lít	Trị CRD, CRD-complex, Colibacillosis, Tụ huyết trùng, staphylococcosis và Streptococcus trên gia cầm	DUTCH-14
13	Iron Dextran 20% Plus	Iron dextran, Cyanocobalamin	Chai	100; 500ml; 1 lít	Trị thiếu máu do thiếu sắt trên bê, nghé, lợn con	DUTCH-15
14	Pen/Strep 20/20 Inj	Penicillin G, Dihydrostreptomycin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin G và Dihydrostrep-	DUTCH-17

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
					tomycin ở trâu, bò, ngựa, bê nghé, dê, cừu, lợn, chó, mèo	
15	Tylosin 20% Inj	Tylosin tartrate	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhậy cảm với Tylosin ở trâu, bò, cừu và lợn	DUTCH-18

3. Công ty Eurovet Animal Health B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
	Colisol - 1200	Colistin sulphate	Gói, hộp	100g; 1kg	Trị bệnh viêm ruột ở trâu, bò, lợn và gia cầm	ERV-2
2	Flumequine 50% w.s.p	Flumequin	Lọ	500g	Điều trị nhiễm trùng	ERV-3
3	Vit E 50 + Selenium	Sodium selenite	Lọ	100ml	Phòng và trị teo cơ, nhũng nhão	ERV-4
4	Ferridex 100	Iron dextran	Lọ	100ml	Phòng và trị thiếu sắt ở lợn con và nghé	ERV-5
5	Levaject 100	Levamisol hydrochloride	Lọ	100ml	Trị giun cho trâu, bò, lợn, dê, cừu	ERV-6
6	Tylosin 20% Inj	Tylosin tatrate	Lọ	100ml	Điều trị các trường hợp nhiễm trùng	ERV-8
7	Farmox	Amoxicllin	Lọ	30; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, sinh dục, da	ERV-9
8	Fatrim	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Lọ	100ml	Trị nhiễm trùng ở trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	ERV-11

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
9	Tridox L.A Inj	Oxytetracycline dihydrate	Lọ	100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin	ERV-12
10	Spectolin Inj	Lincomycin, Spectinomycin	Lọ	100ml	Điều trị chứng viêm ở trâu, bò, lợn và gia cầm	ERV-14
11	Vit AD3E Inj	Vitamin A, D, E	Lọ	100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin A, D, E	ERV-15
12	Doxy 150 W.S.P	Doxycycline hyclate	Hộp, lọ	100g; 1kg	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin	ERV-16
13	Multivitamin Inj	Vitamin A, B_1, C,...	Lọ	100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin	ERV-17
14	Dexamethasone Inj	Dexamethasone sodium	Lọ	100ml	Trị bệnh keto ở bò sữa, các trường hợp ngộ độc, shock, các trường hợp viêm và dị ứng	ERV-18
15	Ampicillin-Coli 10/25 Inj	Ampicillin, Colistin	Lọ	100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin và Colistin	ERV-19
16	Pen-Strep 20/20 Inj	Penicillin, Streptomycin	Lọ	50; 100; 250ml	Điều trị nhiễm trùng đường sinh dục, hô hấp trên trâu, bò, lợn, ngựa, dê cừu, chó mèo	ERV-20
17	Cyclo Spray	Chlotetracyclin HCl	Bình	211ml	Điều trị và chống nhiễm trùng vết thương, vết mổ và vết trày da	ERV-22
18	Amocol Inj	Amoxcilin, Colistin	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amocol	ERV-23

4. Công ty Intervet

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Albipen LA	Ampicillin anhydrate	Lọ	80ml, 200ml	Trị nhiễm trùng đường tiết niệu, hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, viêm khớp cho bò, chó, mèo	Intervet Hà Lan	IT-45
2	Paracilline SP	Amoxilline trihydrate	Gói	100g, 250g, 1 kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp, viêm màng não cho heo	Intervet Hà Lan	IT-46
3	Albipen 30%	Ampicillin anhydrate	Lọ	100ml	Trị nhiễm trùng đường tiết niệu, hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, khớp, viêm màng não cho heo	Intervet Hà Lan	IT-47
4	Neopen	Neomycin, Penicilline	Lọ	100ml, 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, nhiễm trùng vết thương, viêm vú, viêm tử cung, mất sữa trên heo	Intervet Hà Lan	IT-48
5	Duplocillin LA	Penicilline	Lọ	100ml, 250ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, viêm khớp trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo	Intervet Hà Lan	IT-49
6	Depomycin 20/20	Procaine Benzylpenicillin	Lọ	50;100;250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu, hậu phẫu, trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo	Intervet Hà Lan	IT-50
7	Albipen 15%	Ampicillin anhydrate	Lọ	100ml	Trị nhiễm trùng đường tiết niệu, hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, viêm khớp, cho trâu, bò, ngựa, cừu, heo	Intervet Hà Lan	IT-51
8	Neodiar		Lọ	100ml	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa trên heo	Intervet Hà Lan	IT-52

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
9	Engemycin 10%	Oxytetracycline	Lọ	100ml, 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm vú, tử cung, viêm teo mũi trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo	Intervet Hà Lan	IT-53
10	Laurabolin	Nandrolone laurate	Lọ	5,10ml	Dùng cho thú suy nhược, giúp tăng tổng hợp Protein	Intervet Hà Lan	IT-59
11	Super Mastikort	Procaine penicillin, Neomycin	Hộp	6 x 20 syringe	Phòng và trị viêm vú bò sữa	Intervet Hà Lan	IT-62
12	Vitamine E	Vitamine E	Chai	500ml	Bổ sung vitamin E	Intervet Hà Lan	IT-63
13	Prisantol	Phenylbutazone, Isopyrine	Lọ	100ml	Dùng cho trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo bị sưng, viêm...	Intervet Hà Lan	IT-72
14	Metricure	Cephapirin	Hộp	10 syringes	Trị viêm tử cung trên trâu, bò	Intervet Hà Lan	IT-73
15	Dexamedium	Dexamethasone	Lọ	10ml,50ml, 100ml	Trị aceton huyết, dị ứng, viêm khớp trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo	Intervet Hà Lan	IT-74
16	Mycophyt	Natamycin	Lọ	2;10g	Phòng và trị bệnh viêm da do Trichophyton và Microsporum spp trên trâu, bò, ngựa	Intervet Hà Lan	IT-75
17	Panacur Powder 4%	Fenbedazone	Gói, bao	12.5g; 2; 2.5; 5; 25kg	Phòng và trị bệnh nội ký sinh trùng trên heo	Đức, Thai Lan, Pháp, Hà Lan	IT-101

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
18	Tonophosphan comp	Toldimphos	Chai	100ml	Kích thích miễn dịch, kích thích tăng trưởng trên trâu, bò, ngựa, cừu, dê, heo, gà	Intervet Đức	IT-102
19	Berenil	Diminazene aceturate	Gói	2,36g	Trị bệnh ký sinh trùng đường máu trên trâu, bò	Intervet Đức	IT-103
20	Borgal	Trimethoprim, Sulfadoxin	Lọ	100ml	Phòng và trị bệnh hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu... trên heo, chó, mèo	Intervet Đức	IT-104
21	Taktic 12,5% EC	Amitraz	Lọ, thùng	50ml, 250ml, 1000ml; 20 lít	Phòng và trị bệnh ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, heo	Intervet Anh, Ấn Độ, Pháp	IT-105
22	Polymicrine	Vitamin A, D_3, E, PP, B_1, B_6	Lọ	100ml	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin trên trâu, bò, ngựa, heo, chó	Intervet Pháp	IT-106
23	Berenil Vet	Diminazene aceturate	Gói	5; 22.5g	Trị bệnh ký sinh trùng đường máu trên trâu, bò	Intervet Ấn Độ	IT-107
24	Tonophosphan vet	Toldimphos	Lọ	30 ml, 100ml	Kích thích miễn dịch, kích thích tăng trưởng trên trâu, bò, ngựa, cừu, dê, heo, gà	Intervet Ấn Độ	IT-108
25	Floxidin vet	Enrofloxacin	Lọ	15ml, 50ml	Phòng, trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa ở heo, gà	Intervet Ấn Độ	IT-109
26	Floxidin 10% oral	Enrofloxacin	Lọ	50ml, 100ml	Phòng và trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	Intervet Ấn Độ	IT-110

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
27	Lavongin	Anagin	Lọ	10ml, 30ml	Giảm đau	Intervet Hà Lan, Ấn Độ	IT-111
28	Tolzan F Vet Boli	Oxyclozanide	Lọ	30 x 1g/viên	Phòng và trị bệnh sán lá gan trên trâu, bò, dê cừu	Intervet Ấn Độ	IT-112
29	Tolzan F Vet, suspension	Oxyclozanide	Lọ, chai	90ml; 1L, 5L	Phòng và trị bệnh sán lá gan trên trâu, bò, dê, cừu	Intervet Ấn Độ	IT-113
30	Butox Vet	Deltamethrin	Lọ, chai	15 ml; 50ml, 250ml, 1000ml	Phòng, trị bệnh ngoại ký sinh trùng ở trâu, bò, dê, cừu, chó, mèo	Intervet Ấn Độ	IT-114
31	Reverin LA	Oxytetracyclin, Sodium diclofenac	Lọ	20; 50; 100; 250ml	Phòng trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	Intervet Brasil	IT-115
32	Fenomax LA	Ivermectin	Lọ	4 x 20ml; 50; 100; 500ml	Trị bệnh nội ký sinh trùng trên heo	Intervet Brasil	IT-116
33	Fenomax Premix	Ivermectin	Gói	16g; 250g; 5kg	Phòng trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	Intervet Brasil	IT-117
34	Cordrinal Vet	Tetracycline	Gói	100g	Phòng, trị bệnh cầu trùng trên gà	Intervet Ấn Độ	IT-125
35	Cobactan 2,5%	Cefquinome sulphate	Chai	50; 100ml	Điều trị THT, viêm da, hoại tử, nhiễm trùng huyết do Ecoli, viêm vú, viêm tử cung	Intervet Đức	IT-138

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
36	Starmast	Cefoperazone	Syringe	5g	Trị nhiễm trùng vú trong giai đoạn cho sữa	Italy	IT-147
37	Berenil Vet 7% RTU	Diminazene, Phenazone	Chai	20; 30; 90ml	Trị ký sinh trùng đường máu trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu	Intervet Ấn Độ	IT-153

5. Công ty Intercheme Werken "De Adelaar" B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Limoxin-100	Oxytetracyclin	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh đường ruột, hô hấp	ICW-1
2	Macrolan-50	Tylosin	Chai	100ml	Phòng, trị bệnh do Mycoplasma gây ra	ICW-3
3	Macrolan-200	Tylosin	Chai	100ml	Phòng, trị bệnh do Mycoplasma gây ra	ICW-4
4	Intertrim	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh đường ruột, hô hấp	ICW-5
5	Norflox-150	Norfloxacin	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh do Mycoplasma, E.coli gây ra	ICW-6
6	Flumesol-150	Flumequin	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gr (-)	ICW-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
7	Vitol-140	Vitamin AD_3E	Chai	100ml	Bổ sung vitamin A, D, E	ICW-9
8	Norflox-200 Oral	Norfloxacin	Chai	250; 500; 1000ml	Phòng và trị các bệnh do Mycoplasma, E.coli gây ra	ICW-10
9	Tiamulin	Tiamulin	Chai	100ml	Phòng, trị bệnh do Mycoplasma gây ra	ICW-11
10	Interspectin-L	Spectinimycin, Lincomycin	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh đường ruột, hô hấp	ICW-12
11	Vitol-450	Vitamin AD_3E	Chai	100ml	Bổ sung vitamin A, D, E	ICW-17
12	Introvit	Vitamin	Chai	100ml	Bổ sung vitamin A, D, E và amino acid	ICW-19
13	Limoxin-25 Spray	Oxytetracyclin HCl	Chai	200ml	Phòng, trị bệnh nhiễm trùng da, móng	ICW-20
14	Flumesol-200 Oral	Flumequin	Chai	100, 200, 500, 1000, 5000ml	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn Gr(-) như Pasteurella gây ra	ICW-21
15	Doxin-200 WS	Doxycycline hydrate, Tylosin tartrate	Gói, lọ	100, 500, 1000g	Phòng và trị các bệnh đường ruột, hô hấp	ICW-22
16	Norflox-200 WS	Norfloxacin	Gói, lọ	100, 500, 1000g	Phòng và trị các bệnh do Mycop-lasma, E.coli gây ra	ICW-23
17	Intrafer-100 B_{12}	Inron dextran, vitamin B_{12}	Lọ	100ml	Bổ sung sắt, vitamin B_{12}	ICW-24

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
18	Biocillin-150 LA	Amoxycllin base	Chai	100ml	Trị bệnh đường ruột, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, và gia cầm	ICW-25
19	Glucortin-20	Dexamethasone base	Chai	50; 100ml	Kháng viêm	ICW-26
20	Limoxin-200 LA	Oxytetracycline base	Chai	100ml	Trị đường ruột, hô hấp và tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, và gia cầm	ICW-27
21	Penstrep-400	Procaine penicillin G, Dihydrostreptomycine	Chai	50; 100ml	Trị đường ruột, hô hấp và tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, và gia cầm	ICW-28
22	Procaben-LA	Procaine penicillin G, Benzenthine penicillin G	Chai	100ml	Trị đường ruột, hô hấp và tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, và gia cầm	ICW-29
23	Interflox-100	Enrofloxacin	Chai	100ml	Trị đường ruột, hô hấp, tiết niệu, viêm khớp trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	ICW-30
24	Oxytocin-20	Oxytoxin	Chai	50ml	Tăng co bóp tử cung, chống sót nhau, kích thích tiết sữa	ICW-31
25	Intermectin	Ivermectin	Chai	10; 50; 100ml	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng trên gia súc	ICW-32
26	Coli- 1200 WS	Colistin sulfate	Gói, Hộp	100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường ruột trên trâu, bò, dê, cừu, heo, và gia cầm	ICW-33

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
27	Electromix WS	Sodium chloride, Glycine, Sodium dihydrogen phosphate, Potassium chloride, Citric acid	Gói, hộp	100; 500g; 1kg	Phòng và trị mất nước do tiêu chảy trên trâu, bò, dê, cừu, heo, và gia cầm	ICW-34
28	Flumesol-200 WS	Flumequin	Gói, hộp	100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường ruột, hô hấp, và tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, và gia cầm	ICW-35
29	Flumesol- 500 WS	Flumequin	Gói, hộp	100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường ruột, hô hấp, và tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo và gia cầm	ICW-36
30	Introvit A + WS	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, K_3, Nicotinamide, Folic acid, Biotin, Choline chloride, Amino acid	Gói, hộp	100; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin, acid amin trên gia súc, gia cầm	ICW-37
31	Introvit M + WS	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, K_3, Ca-pantothenate, Nicotinamide, Folic acid, Biotin, Choline chloride, Magnesium sulfate Copper sulfate, Zinc	Gói, hộp	100; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin, khoáng, acid amin trên gia súc, gia cầm	ICW-38

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
		sulfate, Manganese sulfate, Sodium chloride, Lysine, Postassium chloride, Glycine, Methionine				
32	Interflox Oral	Enrofloxacin	Bình	1 lít	Trị bệnh đường ruột, hô hấp, và tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo và gia cầm	ICW-39
33	Intracox Pump	Toltrazuril	Chai	100; 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng trên dê con, cừu con, heo con	ICW-40
34	Intracox Oral	Toltrazuril	Chai	100; 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng trên dê con, cừu con, heo con, gia cầm	ICW-41
35	Colexin Pump	Colistin sulfate, Trimethoprim	Chai	100; 500ml; 1 lít	Trị viêm nhiễm đường tiêu hóa trên dê non, cừu con, heo con	ICW-42
36	Macrolan WS	Tylosin tartrate	Gói	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	ICW-43
37	Vitol-140 Oral	Vitamin A, D_3, E	Bình	1 lít	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin A, D_3, E, stress, trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, gia cầm	ICW-44

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
38	Butasal-100	Butafosfan, Vitamin B_{12}	Chai	100ml	Trị rối loạn phát triển và chuyển hóa trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	ICW-45
39	Introvit A+Oral	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, K_3, Acid amin	Bình	1 lít	Phòng và trị bệnh do thiếu Acid amin, vitamin, stress, trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	ICW-46
40	Dimoxan WS	Amoxycilline, Colistin sulfate	Gói	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, dê non, cừu non, heo, gia cầm	ICW-47
41	Introcil Pump	Colistin sulfate, Spectinomycin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên dê non, cừu non, heo con	ICW-48
42	Intrafer-200B_{12}	Iron, Vitamin B_{12}	Chai	100ml	Phòng bệnh thiếu máu trên bê, nghé, heo con	ICW-49
43	Colexin WS	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói, hộp	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa trên bê, nghé, heo con, dê, cừu, gia cầm	ICW-50
44	Phenylject	Phenylbutazone	Chai	100ml	Trị viêm màng khớp, viêm túi thanh mạc, viêm cơ, viêm thần kinh, viêm gân, viêm bao gân trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	ICW-51
45	Intertrim LA	Sulfadoxine, Trimethoprim	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo	ICW-52

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
46	Intertrim-480 Oral	Sulfadoxine, Trimethoprim	Chai, Bình	100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm. trâu, bò, dê, cừu, heo	ICW-53

6. Công ty Kepro B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	VIT AD_3E 300 inj	Vitamin A, D_3, E	Chai	50ml, 100ml, 500ml	Bổ sung vitamin A, D_3, E cho gia súc, gia cầm	KEPRO-1
2	Amoxycol inj	Amoxycicllin, Colistin	Chai	10ml, 50ml, 100ml	Trị tiêu chảy cho gia súc, gia cầm	KEPRO-2
3	Vitaflash Amino WSP	VitA, D_3, E, B_1, B_2, B_{12}, B_6, L.Lysin, Methionin	Gói	100g, 500g, 1kg	Bổ sung vitamin và acid amin cho gia súc, gia cầm	KEPRO-3
4	Neo-Oxy Egg Formula	Neomycin, Oxytetracyclin Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_{12}, B_6	Gói	100g, 500g, 1kg	Phòng bệnh tiêu chảy, hen gà, bổ sung vitamin	KEPRO-4
5	Iron 100 Inj	Dextran Hydroxide (Fe^{3+})	Chai	50ml, 100ml, 500ml	Bổ sung sắt cho gia súc	KEPRO-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
6	Tylosin 200 Inj	Tylosin	Chai	5, 10, 50, 100, 500ml; 1l	Trị các bệnh nhiễm trùng gây ra do vi sinh vật nhạy cảm với Tylosin cho bò, cừu, lợn	KEPRO-6
7	Tylo- Dox Exta WSP	Tylosin tartrate, Doxycyclin hyclate	Gói, hộp	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	KEPRO-7
8	Doxyvet 200WSP	Doxycyclin hyclate	Gói, hộp	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin	KEPRO-8
9	L.S Injection	Lincomycin HCl, Spectinomycin HCl	Chai	100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	KEPRO-9
10	Kepromec	Ivermectin	Chai	10; 50; 100; 250ml	Phòng và trị nội ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, heo, dê, cừu	KEPRO-10
11	Xylazine	Xylazine	Chai	25ml	Giảm đau, gây tê trên trâu, bò, ngựa, heo, cừu, chó, mèo	KEPRO-11
12	Worminex	Albendazole	Can	1 lít	Phòng và trị giun, sán trên trâu, bò, dê, cừu	KEPRO-12
13	Trisul 80/400 WSP	Sulfadiazine sodium, Trimethoprim	Gói	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, ruột, tiết niệu, da trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	KEPRO-13

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
14	Doxy-Gen 20/20 WSP	Gentamycin, Doxycyclin	Gói	100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, dạ dày - ruột trên bê, nghé, heo, gia cầm	KEPRO-14
15	Floxvet 20% Oral	Norfloxacin	Chai	1 lít	Trị CRD, viêm ruột, tiêu chảy, trên gia cầm	KEPRO-15
16	Florum 10% Oral	Florfenicol	Chai	1 lít	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên heo, gà	KEPRO-16

7. Công ty Alfasan Internation B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Alfatrim 24% Inj	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Lọ	100ml	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, sinh dục, tiết niệu	AFSI-1
2	Kanamycin 10%	Kanamycin	Lọ	100ml	Trị viêm khớp, nhiễm trùng huyết, viêm vú	AFSI-2
3	Oxytetracycline 10%	Oxytetracycline	Lọ	100ml	Viêm phổi địa phương, viêm teo mũi, tiêu chảy	AFSI-3
4	Lincomycin 10%	Lincomycin	Lọ	100ml	Viêm khớp, dấu son, viêm phổi do mycoplasma	AFSI-5
5	Vitamin B. Complex	Vitamin	Lọ	100ml	Chống stress, tăng sức đề kháng	AFSI-6

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
6	Vitamin AD_3E	Vitamin A, D, E	Lọ	100ml	Nâng cao sinh sản, kích thích tăng trưởng	AFSI-8
7	Norfloxacin 10%	Norfloxacin	Lọ	100ml	Nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, sinh dục,...	AFSI-9
8	Norfloxacin 5%	Norfloxacin	Lọ	100ml	Nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, sinh dục,...	AFSI-10
9	Alfafer 10% + Vit. B_{12}	Dextran complex, Vitamin B_{12}	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 500ml	Phòng và điều trị thiếu sắt ở lợn con và gia súc khác	AFSI-11
10	Alfamec® 1%	Ivermectin	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 500ml	Phòng và trị nội và ngoại ký sinh trùng cho trâu, bò, cừu, dê, lợn và lạc đà	AFSI-12
11	Vitamin ADE 450000	Vitamin A, D_3, E	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 500ml	Phòng và điều trị thiếu vitamin A, D_3, E. Đặc biệt đối với gia súc non và mang thai	AFSI-13

8. Công ty Polymix B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Polymix Vitainject Inj	Vitamin A, D_3, E, K_3, B_1, C, Nicotinamide	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin	PLM-4
2	Polymix Ampicoli Inj	Ampicillin, Colistin, Dexamethasone	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin, Colistin	PLM-7
3	Plymix Vit AD_3E	Vitamin A, D_3, E	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin	PLM-8
4	Polymix Vit AD_3E	Vitamin A, D_3, E	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin	PLM-9

9. Công ty Franklin Products International

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Fra Sal Dry	Ammonium formate, ammonium propionate formic, propionic and sorbic acids	Bao	25kg	Phòng bệnh Salmonella trên gia súc, gia cầm	FKH-2
2	Fra Acid Dry	Ammonium formate, formic acid, lactic acid, fumaric acid and citric acid	Bao	25kg	Phòng và trị các bệnh tiêu chảy trên gia súc, gia cầm	FKH-5

10. Công ty Vetimex Animal Health B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Nước sản xuất	Số đăng ký
1	Cogentrim (Methoxasol-T)	Sulphamethoxazole, Trimethoprim	Chai	100; 1000; 5000ml	Phòng và trị bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa	Medentech Ireland	VTMH-1

11. Công ty Tesgofarm B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Superlac	Vitamin	Gói Bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g 1; 2; 5; 10 kg	Cung cấp nguồn đạm sữa cho gia súc, gia cầm	BMN-3

12. Công ty Pantex B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Colam P.I	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp, sinh dục, viêm vú, viêm tử cung, viêm tử cung, viêm khớp trên trâu, bò, heo, dê, chó, mèo	PH-1
2	Tylocare	Tylosin tartrate	Chai	100; 250ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, cừu, heo, gia cầm. Bạch lỵ trên heo	PH-2
3	Multivitamins	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_6, C, K_3, Nicotinamide	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh thiếu hụt Vitamin trên trâu, bò, ngựa, cừu, heo	PH-3
4	Amoxy - C	Amoxycilline trihydrate, Colistin base	Bình	1kg	Trị bệnh dạ dày ruột, hoại tử ruột, sổ mũi truyền nhiễm gây ra bởi vi khuẩn E.coli, Salmonella, Clostridium pefringens, Haemophilus paragallinarum nhạy cảm với Amoxycillin và Colistin trên gà, gà tây	PH-4
5	Pantadox	Doxycycline hyclate, Tylosin tartrate	Gói	100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin và Tylosin gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm	PH-5
6	Toltrapan	Toltrazuril	Chai	100; 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm	PH-6
7	Pantilmi 250	Tilmicosin phosphate	Chai	100; 500ml; 1 lít	Trị nhiệm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tilmicosin gây ra trên gà	PH-7

POLAND

1. Công ty Vetoquinol-Biowet Pharmaceutical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Biomectin 1% Inj	Ivermectin	Chai	20; 50; 100ml	Điều trị nội ngoại ký sinh trùng	BIOWET-1
2	Enrobioflox 5% Inj	Enrofloxacin	Chai	100ml	Trị bệnh đường hấp, tiêu hóa, tiết niệu	BIOWET-2
3	Enrobioflox 10%	Enrofloxacin	Chai	50; 100; 500; 1000ml	Trị bệnh đường hấp, tiêu hóa, tiết niệu	BIOWET-3
4	Tylbian 20% Inj	Tylosin tatrate	Chai	100ml	Điều trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin	BIOWET-4

KOREA

1. CÔNG TY CHOONGANG BIOTECH

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Ampi Coli	Ampicillin, Colistin	Gói, hộp	100g; 500g	Phòng và trị các bệnh CRD, E.coli, viêm phế quản, hội chứng MMA ở lợn	CAC-1
2	Permasol-AD_3EC	Vitamin A, D_3, E, C	Chai	100; 500; 1000ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin	CAC-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
3	Viamine	Multivitamin	Chai	500; 1000ml	Bổ sung vitamin	CAC-5
4	Salinomycin 6%	Salinomycin	Bao, thùng	25kg	Phòng và trị cầu trùng	CAC-7
5	Permasol - 500	Electrolytes, vitamin, amino	Gói, bao	100g; 1; 10kg	Kích thích tăng trọng, bổ sung vitamin	CAC-8
6	Niacin	Niacin	Bao, thùng	20kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu niacin	CAC-9
7	Vitamin E - 50%	Vitamin E	Bao, thùng	20kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin E	CAC-10
8	Coccirol-S	Amprorium, Sulfaquinoxaline	Gói bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 5000g 1; 2; 5; 10; 25kg	Phòng và trị bệnh cầu trùng ở gia cầm	CAC-11
9	Methomix - WP	Sulfachloropyridazine, Trimethoprim	Gói bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 5000g 1; 2; 5; 10; 25kg	Phòng và trị bệnh E.coli ở heo, bệnh CRD,... ở gia cầm	CAC-13
10	Terra Egg Formula	Oxytetracyclin, Multivitamin	Gói bao	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 5000g 1; 2; 5; 10; 25kg	Tăng sức đề kháng, bổ sung vitamin	CAC-14
11	Larvicide	Cypermethrin	Gói, bao	500g; 1; 5; 10; 20kg	Phòng trị các loại côn trùng, ruồi, ong	CAC-16
12	E - Mycin	Erythromycin	Gói, bao	100g; 1; 5; 10; 20kg	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Erythromycin	CAC-17

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
13	Cyper Killer	Cypermethrin	Gói	15; 30; 150; 300; 600g	Phòng trị các loại côn trùng, ruồi, ong	CAC-18
14	Zin-Methionine	Zine, Methionine	Gói, bao	10; 20; 30; 100g; 1kg 5; 10; 20kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu kẽm	CAC-19
15	All-Treat	Enrofloxacin	Lọ	500ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa	CAC-21
16	ChoongAng Coccirol (Amprol-20%)	Amprolium	Bao, thùng	1; 20kg	Trị cầu trùng gà	CAC-22
17	P-mectin tablet	Ivermectin	Lọ	50; 100; 150; 200 viên	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng	CAC-23
18	P-mectin premix	Ivermectin	Gói, bao	333g; 1kg; 5; 10; 20kg	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng	CAC-24
19	P-mectin Inj	Ivermectin	Chai, lọ	50; 100; 200; 500ml	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng	CAC-25

2. Công ty Dae Sung Microbiological Labs.Co., LTD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Bromo- sept 10% sol	Didecyl dimethyl ammonium bromide	Chai, Can	250; 500ml 1; 10l	Sát khuẩn mạnh đối với các loại nấm, virus, vi khuẩn, tảo, bào tử, và Mycoplasma	DAS-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Bicom - C Inj	Vitamin B_1, B_2, B_6, C, nicotinamide, DL-methionin	Chai	20; 50; 100ml	Phục hồi thú bệnh. Ngăn chăn và hỗ trợ thú suy nhược, biếng ăn, ngộ độc	DAS-2
3	Solon - M Inj	Prednisolon, Chlopheniramin	Chai	20; 50; 100ml	Trị các chứng đau nhức, viêm tử cung cấp tính, bệnh dị ứng giảm viêm và phù	DAS-3
4	Ami - vicom Inj	Vitamin B_2, B_6, PP, C, Histidine, Tryptophan	Chai	20; 50; 100ml	Ngăn chặn và hỗ trợ thú suy nhược, biếng ăn, sử dụng trước phẫu thuật. Ngăn ngừa chứng thiếu protein và vitamin	DAS-4
5	Enrotil 10% Inj	Enrofloxacin	Chai	20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy do E.coli, Salmonella, bệnh hô hấp do Mycoplasma, Pasteurella trên gia súc. CRD, CCRD, Coli, Salmonellosis trên gia cầm	DAS-5
6	Carasil Inj	Butaphosphan, Vitamin PP, Methionin	Chai	50; 100; 500ml; 1; 5 l	Trợ sức, phục hồi sản lượng sữa. Phục hồi thú suy nhược, rối loạn chuyển hóa, liệt. Tăng sức đề kháng	DAS-6
7	Helmintic	Oxybendazole	Gói	150, 300, 600g, 1; 5kg	Trị các loại giun sán như Ascaris suum, Oesophagostmum spp cho heo	DAS-7
8	Vita gold super	Vitamin A, D_3, E, C, K_3, B_1, B_2, B_6, B_{12}, H, Ca, Choline bitartrate, Nicotinamide, Folic	Gói, bao	100, 500g, 1; 5; 10 kg	Trị bệnh do thiếu vitamin, bệnh suy nhược, chậm lớn, các bệnh về da cho trâu, bò, heo, gà	DAS-8

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
		acide, L-lysin, DL- methionin				
9	Spectino SH	Spectinomycin hydrochloride	Chai	50; 100; 250ml	Trị tiêu chảy do Salmonella và E.coli cho heo	DAS-9
10	Ferrum 200 Inj	Sắt (Fe)	Chai	20; 50; 100; 200ml	Phòng và trị chứng thiếu máu trên heo con	DAS-10
11	DS AD_3E 500 Injection	Vitamin A, D_3, E	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Phòng, trị còi xương, nhuyễn xương, hạn chế vận động, teo cơ trên trâu, bò, heo, dê, cừu	DAS-11
12	Ccegio Injection	Ceftiofur sodium	Lọ	0.5; 1; 1,25; 2,5; 4g	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	DAS-12
13	New coccin for Poultry	Toltrazuril	Chai	50; 100; 500ml; 1; 5l	Phòng và trị cầu trùng gà	DAS-13
14	New coccin (for Piglet)	Toltrazuril	Chai	50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị cầu trùng trên heo con	DAS-14
15	Tylopen Injection	Thiamphenicol, Tylosin tartrate, Prednisolone	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản, tiêu chảy, hội chứng MMA trên trâu, bò, heo, dê, cừu	DAS-15
16	Amoxi-Hi Inj	Amoxycilline, Colistin	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị viêm ruột, viêm phổi - màng phổi, nhiễm trùng tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo	DAS-16

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
17	Amoxi-Hi W.S	Amoxycilline, Colistin	Bao, Túi	100; 500g; 1; 5; 20kg	Trị viêm ruột, viêm phổi - màng phổi, nhiễm trùng tiết niệu trên bê, ngựa con, heo, cừu, dê, gia cầm	DAS-17
18	Enrotil 10% Solution	Enrofloxacin	Chai	100; 250; 500ml; 1l	Trị hô hấp, tiêu hóa trên gà, vịt	DAS-18
19	DS Amoxi L.A inj	Amoxicillin trihydrate	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị bệnh do Pasteurella, Salmonella, E.coli, viêm phổi - màng phổi, viêm phế quản trên trâu, bò, heo, cừu, chó, mèo	DAS-19
20	Cofenhigh solution	Florfenicol	Chai	100; 500ml; 1l	Trị hô hấp, tiêu chảy, viêm ruột trên heo, gia cầm	DAS-20
21	Tilmix 200 Powder	Tilmicosin phosphate	Gói, Bao	100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp trên heo	DAS-24
22	Tilmix 250 solution	Tilmicosin phosphate	Chai	100; 500ml; 1; 5; 10l	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn, gia cầm	DAS-25

3. Công ty Eagle Vet.Tech

TT	Tên thuốc (nguyên liệu)	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Tylosin 100	Tylosin	Chai	50ml	Trị viêm phổi, dấu son, hồng ly,...	EAG-3
2	Tylosin 200 (20%)	Tylosin	Chai	20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, dấu son, hồng ly,...	EAG-4

TT	Tên thuốc (nguyên liệu)	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
3	Ampicol	Ampicillin, Colistin sulfate	Chai	50ml	Trị viêm ruột, nhiễm trùng hô hấp, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp	EAG-5
4	Lesthionin C	Vit C, Vit nhóm B	Chai	50, 100ml	Trị rối loạn chức năng gan	EAG-8
5	Vitapoult A	Vit A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C	Gói	100g	Trị rối loạn biến dưỡng, ngừa stress, cung cấp vitamin	EAG-9
6	Lincospec	Lincomycin, Spectinomycin	Chai	50, 100ml	Trị nhiễm khuẩn dường hô hấp, tiêu hóa trên gia súc	EAG-10
7	Oxyvet 5% Inj	Oxytetracycline, Lidocain	Lọ	50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên gia súc	EAG-11
8	Sulmidin Inj	Sulfamethazine	Chai	100, 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa	EAG-14
9	Dexamethasone	Dexamethasone	Lọ	5, 20, 50, 100ml	Kháng viêm	EAG-15
10	Diminal	Diminazene, Phenazone	Túi	2,36; 23,6g	Phòng và trị ký sinh trùng	EAG-16
11	Tylo - PC gold	Tylosin tatrat, Thiamphenicol, Prednisolon	Lọ	50; 100ml	Trị viêm phổi, phế quản viêm tử cung, đau móng, viêm vú, nhiễm trùng máu trâu, bò, bê, nghé, heo, dê, cừu	EAG-17

TT	Tên thuốc (nguyên liệu)	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
12	Collie-AM	Ampicillin, Colistin	Gói	100; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn Gram(-) và Gram(+) gây ra trên lợn, gia cầm	EAG-18
13	Oxyvet-LA Inj	Oxytetracycline dihydrate	Lọ	10; 20; 30; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline gây ra trên trâu, bò, lợn	EAG-19
14	Coccitoltrazol	Toltrazuril	Chai, thùng	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 5; 10; 20; 25; 50 lít	Trị bệnh cầu trùng ở gia cầm	EAG-20
15	Enprotil	Enrofloxacin	Chai, thùng	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 5; 10; 20; 25; 50 lít	Trị bệnh CRD, CCRD, Salmonellosis, Colibacillosis	EAG-21
16	Eagle COX.SOL	Toltrazuril	Chai, thùng	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 5; 10; 20; 25; 50 lít	Trị cầu trùng ở bê và lợn con	EAG-22
17	Doxy 200 WSP	Doxycycline hyclate	Bao, gói, thùng	10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 15, 20, 25, 50kg	Trị CRD, CCRD, E. Coli trên gia cầm; trị sốt vận chuyển, tiêu chảy, viêm màng phổi trên trâu, bò, heo	EAG-23
18	Doxy 300 WSP	Doxycycline hyclate	Bao, gói, thùng	10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 15, 20, 25, 50kg	Trị CRD, CCRD, E. Coli trên gia cầm; trị sốt vận chuyển, tiêu chảy, viêm màng phổi trên trâu, bò, heo	EAG-24

TT	Tên thuốc (nguyên liệu)	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
19	Flumequine 500 WSP	Flumequine	Bao, gói, thùng	10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 15, 20, 25, 50kg	Trị nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine như E.Coli, Salmonella, Pasteurella trên heo, gia cầm	EAG-25

4. Công ty Komipharm International Co.,Ltd

TT	Tên thuốc (nguyên liệu)	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Amcicoli D Inj.	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Chai	10, 50, 100, 500ml	Trị bệnh đường ruột E-coli, phù đầu, thương hàn	KMB-1
2	Aminovital High Inj.	Dextrose, Calcium, Acid amins, Vit B_2, B_5	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Phòng mất nước, cân bằng điện giải, sốt cao, tiêu chảy, trường hợp mất máu,...	KMB-2
3	Komikill 10	Flumequine, Sodium carbonate	Gói	100g	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, đường ruột, viêm ruột, tiêu chảy	KMB-3
4	Sulfa 33 Inj	Sulfamethazine sodium	Chai	50; 100ml	Điều trị viêm phổi, viêm ruột, viêm vú	KMB-7
5	Amoxyllin Combi	Amoxicillintrihydrate	Gói	100g	Điều trị viêm phổi, ruột, thương hàn,...	KMB-8

TT	Tên thuốc (nguyên liệu)	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
6	Erybactrim	Erythromycin, Trimethoprim	Gói	100g	Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp dạ dày ruột, viêm phổi, viêm ruột,...	KMB-9
7	Komi Tocovita Inj.	Vitamin A, D_3, E	Chai	10; 20; 100ml	Nâng cao thành tích sinh sản kích thích tăng trưởng	KMB-11
8	Erymycin Powder	Erythomycin thiocyanate	Gói	100g	Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm phổi	KMB-12
9	Komitril 100 Inj	Norfloxacin	Chai	20; 50; 100ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, E-coli, thương hàn	KMB-13
10	Komibiotril 25 Inj	Enrofloxacin	Chai	10, 20, 50, 100, 200ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, E-coli, thương hàn	KMB-14
11	Komibiotril 50 Inj	Enrofloxacin	Chai	10, 20, 50, 100, 200ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, E-coli, thương hàn	KMB-15
12	Komibiotril 100 Inj	Enrofloxacin	Chai	10, 20, 50, 100, 200ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, E-coli, thương hàn	KMB-16
13	Komibiotril 100 Sol	Enrofloxacin	Chai	10, 20, 50, 100, 200, 250; 500ml, 1 lít, 5 lít	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, E-coli, thương hàn	KMB-17
14	Combicillin-LA, Inj	Procaine Penicillin, Penzathine Penicillin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, viêm khớp, viêm tử cung,..	KMB-21
15	Komiserastress, Inj	Acepromazine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	An thần	KMB-22

TT	Tên thuốc (nguyên liệu)	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
16	Komiprednisolone, Inj	Prednisolone	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Kháng viêm	KMB-23
17	Flostar	Florfenicol	Túi, Bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20; 25; 50kg	Trị viêm phổi trên heo	KMB-24
18	Carosil	Butaphosphan	Chai, Bình	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị rối loạn chuyển hóa, phục hồi sức khỏe, còi cọc ở thú non, rối loạn chuyển hóa do suy dinh dưỡng trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, gia cầm, chó, mèo	KMB-25
19	Amci Coli Powder-100	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Túi, Bao	100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin, Colistin trên trâu, bò, heo, gia cầm	KMB-26

5. Công ty Samyang Anipharm

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Tonosal B Inj	Tonophosphan, Vit B_{12}	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng và điều trị các bệnh rối loạn chuyển hóa kali, sốt sữa	SPC-2
2	Tylocetin Inj	Tylosin	Lọ	20; 50; 100ml	Cân bằng điện giải, bồi dưỡng cơ thể, kích thích tạo sữa,...	SPC-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3	Viamin-34 Inj	Na, Ca, K, Mg, Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}, acid amin	Lọ	20; 50; 100ml	Cung cấp các chất điện giải, vitamin	SPC-4
4	Manyang p	Acillin, Vitamin B_1, B_2, B_3, PP, Calcium carbonate	Gói, bao	100; 500g; 1; 10; 25kg	Tăng khả năng đẻ trứng, tạo sữa cho gia súc, gia cầm	SPC-6
5	Coccilock sol	Toltrazuril	Lọ	500ml	Trị cầu trùng trên gia cầm	SPC-19
6	Vitagrow - M	Vitamin A, D_3, E, K_3, B_1, B_2, B_6, B_{12}, B_3, B_9, C, PP, $ZnSO_4$, $FeSO_4$, $CuSO_4$, KI, DL-Methionine, Lysin HCL	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu Vitamin, khoáng ở gia súc, gia cầm	SPC-14
7	Enpro sol	Enrofloxacin	Chai	100; 250; 500ml; 1; 5 lít - 3.785 lít	Phòng và trị các bệnh CRD, CCRD, tiêu chảy do Ecoli, Salmonella	SPC-15
8	Cephalexin	Cephalecin, Neomycin sulfate, Dexamethasone acetate	Syringer	7,5g	Phòng và trị chứng viêm vú cấp và mãn tính, bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Cephalecin, Neomycin,...	SPC-16
9	Coccidon susp	Toltrazuril	Lọ	100ml	Trị tiêu chảy do cầu trùng gây ra trên lợn con	SPC-18
10	Butaphos B Inj	Butaphosphan, Vitamin B_{12}	Chai	50; 100ml	Phòng, trị rối loạn chuyển hóa, trao đổi chất, dinh dưỡng kém chậm phát triển ở gia súc non	SPC-20

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
11	Flocol-300 inj	Florfenicol	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, heo	SPC-21
12	SY Ampicoli W.S.P	Ampicillin trihydrat, Colistin sulfate	Gói, Bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị bệnh hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gà	SPC-22
13	Forcetil sol	Tilmicosin phosphate	Chai	100; 200; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tilmicosin trên lợn, gia cầm	SPC-23
14	Flocol-200 sol	Florfenicol	Chai	100; 200; 500ml; 1 lít	Trị tiêu chảy, hô hấp trên lợn, gia cầm	SPC-24
15	Samyang premix p	Vitamin A, B_1, B_2, B_6, B_{12}, D_3, E, K_3, Folic acid, DL- Methionine, L- Lysine HCl, Calcium pantothenate, Nicotinamide, Choline chloride, $MnSO_4$, $ZnSO_4$, $CoSO_4$, $CuSO_4$, $FeSO_4$	Gói, bao, xô	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Phòng chống stress, tiêu chảy, mất nước trên trâu, bò, ngựa, lợn, gia cầm	SPC-25
16	Vitagrow p.	Vitamin A, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, D_3, E, K_3, Folic acid, DL- Methionine,	Gói, bao, xô	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Phòng chống stress, tăng cường sức đề kháng trên trâu, bò, lợn, gia cầm	SPC-26

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
		L-Lysine, Calcium Pantothenate, Nicotinamide				
17	Amocillin-20 W.S.P	Amoxicillin trihydrate	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycillin trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	SPC-27
18	Doxyvet-200 W.S.P	Doxycycline hyclate	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	SPC-28
19	Tylosin-50 W.S.P	Tylosin tartrate	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	SPC-29
20	Tylosin-200 Inj	Tylosin tartrate	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị viêm phổi, viêm tử cung, viêm niệu đạo, viêm vú, thối móng, bệnh do xoắn khuẩn (Leto), sốt vận chuyển, nhiễm trùng thứ phát từ các bệnh truyền nhiễm do virus trên trâu, bò, lợn, chó, mèo, gia cầm	SPC-30

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
21	Actifarm	Taurine, Methionine, Ascorbic acid, Sorbitol	Gói, Bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Hỗ trợ trong điều trị bệnh, phòng stress, giải độc gan	SPC-31

6. Công ty Yoonee Chemical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Neotetra W.S	Oxytetracycline, Neomycin	Bao	100; 500g; 1kg	Trị bệnh do E-coli, thương hàn, viêm phổi, tụ huyết trùng	YCK-1
2	Quinoxyl 200 liq	Norfloxacin	Chai	100; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh do E-coli, thương hàn, viêm phổi, tụ huyết trùng	YCK-4

7. Công ty Namjon

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Enroxyl solution	Enrofloxacin	Chai	500ml; 1 lít	Viêm phổi do Mycoplasma, tiêu chảy do E.coli	NJK-01
2	Newmequin	Flumequine	Chai, Bình	10; 20; 25; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 5; 20; 25l	Trị Colibacillosis, Salmonellosis, Staphylococcosis, viêm phổi trên gia cầm	NJK-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3	Enroxyl Oral Sol	Enrofloxacin	Chai	200; 250; 500ml;1lít.	Trị CCRD, C.R.D, bệnh do E.coli, Salmonella, THT trên gia cầm	NJK-3

8. Công ty Shinil Biogen Co.,LTD

TT	Tên thuốc (nguyên liệu)	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Norfloxillin 200	Norfloxacin	Chai	50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa,...	SIL-1
2	Norfloxillin Inj	Norfloxacin	Chai	50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa,...	SIL-2
3	Spira - SM Inj	Spiramycin, Streptomycin	Chai	50; 100ml	Tiêu chảy, viêm phổi địa phương, dấu son.	SIL-4
4	Amilyte Inj	Khoáng, điện giải	Chai	20; 50; 100; 500ml; 1l	Cung cấp axít amin, chất điện giải, tăng sức đề kháng	SIL-3
5	B-Comp Inj	Vitamin nhóm B	Chai	50;100ml	Rối loạn biến dưỡng, chậm thay lông,	SIL-5
6	Sulfaprim inj	Trimethoprim, Sulfamethoxazole	Chai	50, 100ml	Tác dụng vi khuẩn gr(-), gr(+)	SIL-6
7	Kanamycin Inj	Kanamycin	Chai	50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường ruột ở gia súc	SIL-8

TT	Tên thuốc (nguyên liệu)	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
8	Cow-Lyte	Chất điện giải	Gói	100, 500g	Cung cấp chất điện giải	SIL-9
9	Royal Vitaplex W.S	Các loại Vitamin, Lysin, Methionine	Gói	100; 500g; 1; 5kg	Cung cấp các vitamin và các acid amin thiết yếu	SIL-11
10	Ampicoli W.S	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói	100g, 500g, 1kg	Viêm ruột, nhiễm trùng hô hấp, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp	SIL-12
11	Metapyrone Inj	Sulpyrine	Chai	10, 20, 50, 100, 250ml	Hạ sốt	SIL-14
12	Toposal Inj	Tonophosphan	Chai	20, 50, 100, 500ml	Kích thích tăng trọng, phục hồi sức khỏe	SIL-17
13	Flotec-Mix	Florfenicol	Gói	100;200;500g 1kg, 5kg, 10kg	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn mẫn cảm với Florfenicol gây ra trên lợn	SIL-18
14	Cocci-Zione 25 sol	Toltrazuril	Chai	100ml, 500ml, 1 lít	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên gà	SIL-19
15	Flotec 200 sol	Florfenicol	Chai	100ml, 500ml, 1 lít	Trị bệnh gây ra bởi vi khuẩn mẫn cảm với Florfenicol	SIL-20
16	Alfamox L.A	Amoxicillin trihydrate	Lọ	50ml, 100ml	Trị viêm phế quản, viêm teo mũi, viêm phổi và viêm vú	SIL-21
17	Hytril sol	Enrofloxacin	Chai	100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh do các vi khuẩn mẫn cảm với Enrofloxacin gây nên	SIL-22

TT	Tên thuốc (nguyên liệu)	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
18	Vita-Lyte sol	Vit B_2, B_6, B_{12}; Sodium chloride; Potassium chloride; Magnesium chloride, CaCL, Citric acid	Chai, can	100; 500ml; 1; 5 lít	Phòng và trị các trường hợp mất nước	SIL-23
19	Sulfaprim sol	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Lo, can	50; 100; 500ml; 1; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfamethoxazole và Trimethoprim	SIL-24
20	Cocci-Zione 50 suspesion	Toltrazuril	Lọ, chai	50; 100; 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng lợn	SIL-25
21	Sl Ivermectin 1% inj	Ivermectin	Lọ, chai	20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng trị nội ngoại ký sinh trùng	SIL-26
22	Dexferron inj	Iron, Vitamin B_{12}	Chai	100ml	Phòng bệnh thiếu máu trên heo con	SIL-27

9. Công Ty Dea Han New Pharm

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Ex-cell	Certriofur	Lọ	1; 4g	Phòng và trị các bệnh nhiễm khuẩn ở gia súc, gia cầm	DHK-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Qrex	Ceftiofur	Chai	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	DHK-2
3	Neoflor 300 inj	Florfenicol	Chai	50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, heo	DHK-3
4	Neoflor 20% oral sol	Florfenicol	Chai	100; 500ml; 1; 5; 10l	Trị Salmonellosis, Colibacillosis trên gà	DHK-4
5	Pigcoc	Toltrazuril	Chai	100 ml	Trị cầu trùng gây tiêu chảy trên heo con	DHK-5
6	TM 10% Inj	Oxytetracycline HCl	Lọ	50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, dạ dày ruột, nhiễm trùng tiết niệu trên trâu, bò, heo, dê, cừu	DHK-6

10. Công ty Green Gross Veterinary Products

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Rholexine solution	Flumequine	Chai	500ml	Phòng và điều trị các bệnh nhiễm khuẩn E.coli, Salmonella ở gà, vịt	GGVK-04
2	Catovita	Butaphosphan, Vitamin B_{12}	Chai, Thùng	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 5; 10; 20; 25; 50l	Phòng, trị rối loạn chuyển hóa, trao đổi chất, dinh dưỡng kém chậm phát triển gia súc, gia cầm	GGVK-5

11. Công ty Samu Median

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	EXFO Inj	Ceftiofur HCl	Chai	50; 100 ml	Trị viêm đường hô hấp, viêm tử cung cấp tính; thối móng, viêm da trên trâu, bò, heo	SMC-1
2	MEGAFEN-S solution	Florfenicol	Chai	500ml; 1; 1,5; 5 lít	Trị viêm đường hô hấp do các vi khuẩn mẫn cảm với Florfenicol trên heo, gà	SMC-2
3	Coliamcin Inj	Ampicllin, Colistin sulfate	Chai	50ml	Trị bệnh do Mycoplasma, Actino-bacllus gây ra, tiêu chảy, viêm tử cung, viêm vú, bệnh tiêu hóa	SAMU-05
4	B-Multi Inj	Thiamine hydrochloride, Riboflavin phosphat sodium, Pyridoxine hydrochloride, Nicotinamide, Dextrose	Chai	100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu viatmin; tăng quá trình trao đổi chất; tăng sức đề kháng phòng bệnh	SAMU-07
5	Histamin Inj	Chlorpheniramine maleate, Vitamin B_6, Calcium bromide	Chai	20ml	Phòng chống dị ứng cho gia súc	SAMU-08
6	Medicox solution	Toltrazuril	Chai, can	100; 200; 500ml; 1; 5 lít	Trị bệnh cầu trùng trên gà	SAMU-9
7	Vitation Forte injection	Vitamin A, D_3, E	Chai	10; 20; 50; 100ml	Tăng sức đề kháng, trị bệnh mềm xương, còi xương và thiếu vitamin A, D_3, E	SAMU-10

12. Công ty Woogene B&G

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Metabol® (inj)	Butaphosphan, Vitamin B_{12}, Methyl hydroxybenzoat, Sodium citrate, Citric acid	Chai	50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị rối loạn trao đổi chất, bệnh co giật và liệt nhẹ trên trâu, bò, ngựa, cừu, lợn, chó, mèo	WG-1
2	Super Amino- C	L- Valine, L- Leucine, L- Isoleucin, Arginine, Histidine, L- Methionin, L- Phenylalanine, L- Threonin, L- Tryptophan, Lysine, Cysteine, Vitamin B_1, B_6, B_{12}, Riboflavine-5- phosphate sodium, Calcium pantothenate, Niacinamide, Sodium acetate, CaCl, Potassium HCl, Magnesium sulfate, Dextrose, Methyl paraben, Ethyl paraben	Chai	20; 50; 100; 250; 500ml	Chống suy nhược cơ thể trên trâu, bò, heo, ngựa, cừu	WG-2
3	Coxiclin	Toltrazuril	Chai	50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị cầu trùng gà	WG-3
4	Paxxcell	Ceftiofur sodium	Lọ	0.5; 1; 2; 4; 10g	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	WG-4
5	Amstrong	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói	50; 100; 200; 500g; 1, 5kg	Trị tiêu chảy, viêm phổi trên bê, nghé, heo, gà	WG-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6	Himoxin -50%	Amoxicillin	Gói	50; 100; 200; 500g; 1,5kg	Trị tiêu chảy, viêm phổi trên bê, nghé, heo, gà	WG-6
7	Florject 400INJ	Florfenicol	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị viêm phổi, tiêu chảy trên trâu, bò, lợn	WG-7
8	Feropan 200 INJ	Gleptoferon(Fe)	Chai	20; 50; 100; 200; 500ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu trên heo	WG-8
9	FlorPAN-S	Florfenicol	Gói, Bao	1; 5; 10; 20; 25kg	Trị Actinobacillus pleuropneumoniae trên heo	WG-9

13. Công ty LG Life Sciences - Kofavet Special Inc

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Accent	Certiofur sodium	Lọ	0,5; 1; 2; 4g	Trị bệnh đường hô hấp như viêm phổi do Pasteurella ở trâu bò, lợn	LGK-01
2	Poustin-C	Ascorbis acid	Chai	100; 200ml	Tăng cường sức đề kháng cho gia súc, gia cầm	LGK-02
3	ACT 500ml	Enrofloxacin sodium	Chai	500ml	Trị bệnh tiêu chảy phân trắng, thương hàn, bệnh đường hô hấp, viêm phổi	LGK-03
4	Enrobac^{TM}	Enrofloxacin sodium, N- butanol	Chai	50; 100; 200; 500ml; 1 lít	Điều trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sốt do chuyên chở, nhiễm khuẩn đường tiết niệu - sinh dục trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	LGK-04

14. Công ty CTC Bio Inc

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Entril capsule plus	Enrofloxacin	Gói	1kg	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột trên heo	CTC-1
2	Neo-Pennox	Ammonium oxytetracyclin, Neomycin sulfate	Gói, Bao	1; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên bò, lợn, gia cầm	CTC-2
3	CTC Mix 200G	Chlortetracyclin Ca	Bao	20kg	Trị viêm phổi, ỉa chảy trên gia súc, gia cầm	CTC-3
4	Fencol S	Florfenicol	Gói	1kg; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn	CTC-4
5	Wormcide premix	Ivermectin	Túi	1kg	Phòng và trị bệnh ký sinh trùng trên heo.	CTC-5
6	Anipirin	Acetylsalicylic acid, Vitamin C	Túi	1kg	Giảm đau, hạn sốt trên heo, gia cầm.	CTC-6
7	Pro-Amoclin	Amoxicillin Bromhexine HCl	Bao	100; 500g; 1; 5; 10kg	Phòng và trị tiêu chảy do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin trên bò, heo, gia cầm	CTC-7
8	T-Mulin capsule	Tiamulin hydrogen fumarate	Bao	1; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tiamulin gây ra trên lợn	CTC-8
9	ABC D-Check	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulphate	Bao	1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin và Colistin trên trâu, bò, heo, gà	CTC-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
10	Catobus	Butaphosphan, Vitamin B_{12}	Chai	50; 100ml	Phòng và trị rối loạn chuyển hóa	CTC-10
11	Quickflo	Florfenicol	Chai	50, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	CTC-13
12	Euvectin	Ivermectin	Chai	50, 100ml	Trị ký sinh trùng trên trâu, bò, heo	CTC-14

15. Công ty Daone Chemical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Enrofloxacin 10%	Enrofloxacin	Chai, can	1; 5; 10; 20l	Trị nhiễm trùng hô hấp, dạ dày - ruột, tiết niệu trên bê, nghé, heo, dê, cừu, gia cầm	DOC-1
2	DaOne Tia 100	Tiamuline HF	Gói	500g; 1; 5; 20; 25kg	Trị lỵ trên heo; CRD trên gia cầm	DOC-2
3	Neoflofen	Florfenicol	Gói	100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị viêm đường hô hấp, tiêu chảy trên heo; CRD, bệnh do trực khuẩn, do Salmonella, Staphylococcus, bệnh sổ mũi truyền nhiễm trên gia cầm	DOC-3
4	Amoxin 20% W.S.P	Amoxicillin trihydrate	Túi, bao	100, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Trị tiêu chảy do E.coli, viêm phổi trên heo, bê, nghé; tiêu chảy do E.coli trên gia cầm	DOC-4
5	Neodoxy 20% W.S.P	Doxycycline HCl	Túi, Bao	100, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trên bê, nghé, heo, gia cầm	DOC-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6	Methoxazole	Sulfamethoxazole Trimethoprim	Chai, can	100, 500ml; 1, 5, 10 lít	Trị nhiễm trùng dạ dày ruột, hô hấp, niệu, sinh dục trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	DOC-6
7	Ampi power	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Túi	1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin, Colistin trên gia súc, gia cầm	DOC-7
8	DaOne Tilmiro solution	Tilmicosin	Chai, can	100; 500ml; 1; 5; 20 lít	Trị bệnh đường hô hấp trên heo, gia cầm	DOC-8
9	DaOne Tilmicosin W.S.P	Tilmicosin	Túi, bao	500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp trên heo	DOC-9
10	DaOne Linspec	Lincomycin Spectinomycin	Bao	1kg	Trị viêm ruột xuất huyết trên heo	DOC-10

16. Công ty Dongbang

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Linsmycin SS injectable	Lincomycin HCl Spectinomycin sulfate	Chai	20; 30; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, lỵ; viêm da, khớp, móng trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	DOB-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Alipamin-100 Injectable	Vitamin B_1	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị bệnh do thiếu Vitamin B_1 cho trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	DOB-3
3	Linsmycin Premix	Lincomycin HCl, Spectinomycin sulfate	Túi	1; 5; 10kg	Trị lỵ, bệnh viêm ruột, hội chứng viêm vú, viêm tử cung, sốt sữa trên heo	DOB-4
4	Fortis-Inj	Flunixin Meglumine	Lọ	50; 100ml	Trị viêm kết hợp trong bệnh đường hô hấp, viêm kết hợp với rối loạn vận động, giảm đau các cơ quan nội tạng trên trâu, bò, ngựa, heo	DOB-6
5	Linsmycin 100 Soluble Powder	Lincomycin HCl, Spectinomycin sulfate	Túi	75; 150g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp; bệnh CRD trên heo, gia cầm	DOB-7

17. Công ty SF Co. Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Monosulfa 200W.S	Sulfamonomethoxine sodium	Gói, Bao	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25; 30; 35; 40; 50kg	Trị viêm phổi, viêm phế quản, cầu trùng, viêm mũi, CRD, viêm vú, viêm tử cung	SFK-1

18. Công ty Han Dong Co., Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	FloPig Gold	Florfenicol	Bao	100; 500g; 1; 5; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên heo	HDK-1
2	Dexter-Iron Inj	Iron dextran, Vitamin B_{12}	Chai	50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt trên heo con	HDK-2
3	Floshot Solution	Florfenicol	Chai	100; 500ml; 1; 5; 10 lít	Trị bệnh do Mycoplasma spp., E.coli, Salmonella, Streptococcus, Pasteurella, Staphylococcus spp., CRD, CCRD, Colibacillosis, Salmonellosis, Staphylococcus, viêm mũi trên trâu, bò, heo	HDK-3

CZECH REPUBLIC

1. Công ty Bioveta, A.S

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Amoxicillin (Bioveta 15%L.A)	Amoxicillin base	Chai	20, 50, 100ml	Trị bệnh viêm phổi, viêm có mủ trên gia súc	BVTC-5
2	Erythromycin (inj.ad us.vet)	Erythromycin	Chai	20, 50, 100ml	Trị bệnh viêm phổi và các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp	BVTC-6
3	Oxytetracyklin (Bioveta 20% L.A)	Oxytetracycline base	Chai	20, 50, 100ml	Trị bệnh viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung	BVTC-7

INDONESIA

1. Công ty P.T. Surya Hydup Satwa

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Daimeton B Inj 20%	Sulfamonomethoxine	Lọ	100ml	Điều trị bệnh sổ mũi truyền nhiễm, cầu trùng, tiêu chảy, viêm phổi	SHS-03

2. Công ty P.T. Medion

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Sulfamix	Sulfadimethyl, Pyrimidine	Lọ, can	60, 120ml, 1, 5, 20, 60 lít	Trị bệnh cầu trùng, CRD, thương hàn, E.coli	MDI-15
2	Neo meditril-I	Enrofloxacine	Lọ	20, 100, 250ml, 1, 5 lít	Phòng trị CRD, E.coli, Salmonella, Coryza	MDI-16
3	Vitamin B Kompleks Inj	Vitamin B_1, B_2, B_6 và các vitamin khác	Lọ	20, 50, 100, 250, 500ml	Phòng các bệnh do thiếu vitamin nhóm B gây ra	MDI-18
4	Vermyzin SBK	Piperazine citrate	Gói	10, 33, 100, 500g; 1, 5, 15, 25kg	Tẩy giun cho trâu, bò, lợn, ngựa	MDI-19
5	Vermixon Oral Solution	Piperazine hexahydrate	Lọ, can	20, 60, 120ml; 1, 5, 20, 60 lít	Tẩy giun cho trâu, bò, lợn, ngựa	MDI-20

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6	Coxy	Na Sulfaquinoxaline, Vitamin A, K_3	Gói, bao	5, 10, 100, 250; 500g 1, 5, 10, 15, 20, 50kg	Phòng và trị bệnh cầu trùng	MDI-21
7	Trimezyn-S	Trimethosol, Sodium sufadiazin	Gói, bao	5, 10, 100, 250; 500g 1, 5, 10, 15, 20, 50kg	Phòng, trị Coryza, CRD, thương hàn, E.coli, bạch lỵ	MDI-22
8	Ampicol	Ampicilline, Colistin	Gói, bao	5, 10, 100, 250; 500g 1, 5, 10, 15, 20, 50kg	Phòng, trị E.coli, CRD, thương hàn, bệnh kế phát Gumboro	MDI-23
9	Neobro	Vitamins, amino acids	Gói, bao	5, 10, 100, 250; 500g, 1, 5, 10, 15, 20, 50 kg	Kích thích tăng trọng, chống stress, giảm tỷ lệ chết	MDI-24
10	Kanamin	Kanamycin acid sulphate	Gói, bao	2, 5, 10, 50, 100g, 1 kg	Trị CRD, thương hàn, Staphy-lococcus	MDI-25
11	Sulpig	Sulfadimethyl Pyrimidine	Lọ	20, 50, 100 ml, 1 lít	Tiêu chảy lợn, viêm phổi, các bệnh nhiễm khuẩn trên lợn	MDI-26
12	Tysinol	Tylosin tartrate	Lọ	20, 50, 100 ml	Trị bệnh viêm phổi do Mycoplasma, lỵ heo, viêm khớp, viêm vú, lepto	MDI-28
13	Medoxy-L Inj	Oxytetracycline HCl, Lidocaine HCl	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị CRD, thương hàn, viêm phổi, nhiễm trùng máu	MDI-30
14	Koleridin	Oxytetracycline HCl, Menadion Na-bisulfite	Gói, bao	5, 10, 100, 250; 500g, 1, 5, 10, 15, 20, 50 kg	Trị bệnh Coryza, CRD, tiêu chảy do E.coli, thương hàn	MDI-32

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
15	Fortevit	Vitamins, amino acids	Gói, bao	5, 10, 100, 250; 500g, 1, 5, 10, 15, 20, 50 kg	Kích thích tăng trưởng, tăng tỷ lệ đẻ, tỷ lệ phôi và tỷ lệ ấp nở	MDI-33
16	Strong Egg	Vitamins, Amino acids	Gói, bao	5, 10, 100, 250; 500g, 1, 5, 10, 15, 20, 50 kg	Kích thích tăng trưởng, tăng sức đề kháng	MDI-34
17	Therapy	Oxytetracycline HCl, Amprollium HCl	Gói, bao	5, 10, 100, 250; 500g, 1, 5, 10, 15, 20, 50 kg	Trị cầu trùng, thương hàn, Coryza	MDI-36
18	Respiratrek Inj	Sulphamethoxazole, Trimethoprim	Lọ, thùng	20, 60, 120 ml, 1, 5, 20, 60 lít	Trị CRD, E.coli	MDI-37
19	Vitamin B_{12} Inj	Cyanocobalamine	Lọ	20, 50, 100, 500 ml	Phòng bệnh thiếu máu, duy trì tốc độ tăng trưởng của gia súc	MDI-38
20	Pignox	Vitamin A, B_1, B_2, B_6, B_{12}, D_3, E, K_3, Ca-D-pantothenate Chloine chloride. Methionin, Fe, Cu, Co, Zn	Gói, bao	500g, 5, 25, 50kg	Phòng và trị bệnh nhiễm khuẩn, kích thích tăng trưởng, giảm tỷ lệ chết của gia súc, gia cầm	MDI-40
21	Egg Stimulant	Oxytretracyclin, Vitamin A, B_1, B_2, B_6, B_{12}, D_3, E, K_3, Ca-D-pantothenate	Gói, bao	5, 10, 100, 250; 500g, 1, 5, 10, 15, 20, 50 kg	Tăng tỷ lệ đẻ, cải thiện chỉ số tiêu tốn thức ăn	MDI-41

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
22	Medoxy-LA (20% inj)	Oxytetracycline	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100 ml	Phòng trị bệnh viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, tiêu chảy	MDI-44
23	Antikoksi (liquid)	Sulfaquinoxaline,	Lọ, chai, can	50, 100, 250ml, 1, 5, 20 lít	Trị cầu trùng gia súc, gia cầm	MDI-45
24	Vita Stress (powder)	Vitamin A, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, E, PP, Mg, P, Ca	Gói, bao	5, 10, 100, 250; 500g, 1, 5, 10, 15, 20, 50 kg	Chống stress, cung cấp vitamin và điện giải	MDI-46
25	Doxytin	Doxycycline HCl	Gói, bao	5; 10; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 50kg	Phòng, trị CRD, bệnh do coli	MDI-50
26	Meditril-L	Norfloxacin	Chai	20; 50; 100; 250ml; 1 lít	Phòng trị CRD, bệnh do coli,...	MDI-52
27	Mineral Babi	Vitamin và điện giải	Gói	50, 100, 500g; 1kg	Kích thích tăng trưởng, phòng chứng thiếu máu trên lợn con, phòng bệnh bại liệt trên lợn nái	MDI-17
28	Ferdex Plus	Sắt, vitamin B_{12}, B_6	Lọ	20,50, 100 ml	Phòng bệnh thiếu máu trên lợn	MDI-29
29	Ferdex 100	Sắt (Fe)	Lọ	20, 50, 100 ml	Phòng chứng thiếu máu do thiếu sắt trên lợn	MDI-39
30	Wormectin injection	Ivermectin	Lọ	2; 5; 20ml	Phòng và trị nội ngoại ký sinh trùng	MDI-53

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
31	AD_3E Injection	Vitamin A, D_3, E	Chai	50; 100ml	Phòng, trị bệnh do thiếu vitamin A, D_3, E	MDI-54
32	Amoxitin	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói	250g	Trị Coryza, Colibacillosis, Salmonellosis	MDI-56
33	Neo Meditril	Enrofloxacin	Chai	20, 100, 250ml; 1l	Trị viêm dạ dày - ruột, viêm đường hô hấp và tiết niệu trên gia cầm	MDI-57
34	Kalsium boroglukonat inj	Calcium gluconate, Boric acid	Chai	250; 500ml	Trị chứng hạ canxi huyết cho gia súc	MDI-58

(Xem tiếp Công báo số 273 + 274)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng